

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT

Luật Đất đai năm 2024 quy định Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện là căn cứ để lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Để đánh giá lại kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất, tiến độ triển khai các công trình, dự án của Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và xác định chỉ tiêu các loại đất, vị trí, diện tích các công trình, dự án có sử dụng đất thực hiện trong năm 2025 nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

UBND huyện Thoại Sơn tiến hành lập **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn** trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

2.1. Mục đích

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước, rà soát các chỉ tiêu sử dụng đất, các công trình, dự án đã được phê duyệt, kết quả thực hiện các chỉ tiêu và các công trình, dự án; điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất và các công trình, dự án để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: Phát triển hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, khu dân cư nông thôn, thương mại dịch vụ, quốc phòng, an ninh, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, giao thông, thủy lợi,... để sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Làm cơ sở để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn.

2.2. Yêu cầu

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh đã phân bổ cho huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã và nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại khoản 1 Điều 121 của Luật Đất đai năm 2024 trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm, trong đó: Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai 2024 thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai 2024; các dự án đầu tư và trường hợp cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho

phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai 2024, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai 2024 và trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 ha trở lên để tập hợp nhu cầu sử dụng đất vào kế hoạch.

Đối với công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

- Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch.

- Lập bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện.

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Thu thập các tài liệu, liệt kê các số liệu, bản đồ, thông tin về toàn bộ các nội dung của dự án làm cơ sở để điều tra, thu thập bổ sung dữ liệu, đối soát số liệu đã có về: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất; thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải tỏa, tái định cư,... theo phương án kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được từ các Sở, ngành, phòng ban, các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất, tiến hành phân loại theo nhóm, thống kê diện tích theo từng loại đất cho từng công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch hoặc chưa thực hiện theo kế hoạch hoặc hủy bỏ; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong phương án Kế hoạch sử dụng đất và từng quy hoạch ngành. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất và hoàn chỉnh các biểu mẫu, bản đồ, phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Sau khi xây dựng xong dự thảo Kế hoạch sử dụng đất thì tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp các ban ngành huyện và hội đồng thẩm định tỉnh. Hoàn chỉnh hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất trình phê duyệt.

IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thoại Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Thoại Sơn;
- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;
- Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về danh mục dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025;
- Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang huỷ bỏ danh mục dự án có thu hồi đất năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang huỷ bỏ danh mục dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023; bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về danh mục dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa năm 2024;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang bổ sung danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Công văn số 4851/STNMT-ĐĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc hiệu chỉnh hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2025 theo Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Công văn số 3188/STNMT-ĐĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc hướng dẫn lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;

- Công văn số 3155/STNMT-ĐĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc hướng dẫn rà soát, lập danh mục dự án trình thông qua HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2024;

- Các tài liệu, bản đồ, số liệu thống kê đất đai của huyện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến các Sở, ngành cấp tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký danh mục các dự án, công trình thực hiện trong năm 2025 theo quy định.

- UBND huyện Thoại Sơn tổ chức thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, UBND các xã, thị trấn, các ban ngành cấp huyện đăng ký danh mục các dự án, công trình và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thực hiện trong năm 2025 theo quy định.

- Đơn vị tư vấn lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Thoại Sơn.

VI. BỐ CỤC BÁO CÁO

Bố cục của báo cáo gồm các phần sau:

Đặt vấn đề.

Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội.

Phần II: Tình hình quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất.

Phần III: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Phần IV: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Phần V: Giải pháp thực hiện.

Kết luận và kiến nghị.

VII. SẢN PHẨM KẾ HOẠCH

Sản phẩm của Kế hoạch được thực hiện theo quy định tại Công văn số 3188/STNMT-ĐĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn kèm theo hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, hình ảnh có liên quan (05 bộ).

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn, tỷ lệ 1/25.000 (05 bộ).

- Đĩa CD lưu trữ các sản phẩm trên.

Các sản phẩm trên, sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt sẽ được lưu trữ tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 01 bộ;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang: 01 bộ;
- Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn: 01 bộ;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn: 02 bộ.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thoại Sơn nằm về phía Đông Nam của tỉnh An Giang, thuộc vùng Tứ giác Long Xuyên, Trung tâm huyện lỵ là thị trấn Núi Sập (đạt đô thị loại IV vào năm 2015) cách TP. Long Xuyên khoảng 25 km về hướng Đông Bắc, cách TP. Châu Đốc khoảng 80 km về hướng Bắc, cách TP Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang khoảng 25 km về phía Tây Nam và cách TP. Cần Thơ khoảng 70 km về phía Nam. Huyện có toạ độ địa lý trong khoảng từ 10⁰16'09" đến 10⁰22'22" vĩ độ Bắc và từ 105⁰05'51" đến 105⁰26'20" kinh độ Đông. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Long Xuyên.
- Phía Tây giáp huyện Tri Tôn.
- Phía Nam giáp tỉnh Kiên Giang và thành phố Cần Thơ.
- Phía Bắc giáp huyện Châu Thành.

Diện tích tự nhiên của toàn huyện là 47.103,78 ha (số liệu thống kê năm 2023) chiếm 13,31% diện tích của tỉnh, lớn thứ hai tỉnh (sau huyện Tri Tôn). Dân số 163.251 người, mật độ dân số trung bình đạt 347 người/km² (Niên giám thống kê năm 2023 huyện Thoại Sơn). Đông dân thứ 5 so với các huyện khác của tỉnh.

Về đơn vị hành chính, Thoại Sơn gồm có 3 thị trấn: Núi Sập, Phú Hòa, Óc Eo và 14 xã gồm: Tây Phú, An Bình, Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch, Phú Thuận, Vĩnh Chánh, Định Mỹ, Định Thành, Mỹ Phú Đông, Vĩnh Khánh, Thoại Giang, Bình Thành, Vọng Đông và Vọng Thê.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Thoại Sơn có địa hình thuộc bán sơn địa (vừa có núi vừa có đồng bằng). Địa hình của huyện có cao độ thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, cao độ trung bình dao động trong khoảng 0,8 - 1,2 m (khu vực đồng bằng). Nơi có địa hình thấp nhất tập trung chủ yếu thuộc địa bàn xã Bình Thành, có nơi cao độ rất thấp khoảng 0,3 m so với mực nước biển. Nơi có địa hình cao nhất tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Núi Sập, thị trấn Óc Eo, xã Vọng Đông và một phần xã An Bình, nơi tập trung những đồi núi vừa và nhỏ. Đặc biệt khu vực núi Ba Thê thuộc thị trấn Óc Eo có nơi cao độ lên đến trên 200 m.

1.1.3. Khí hậu

Huyện Thoại Sơn nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền

nhật cao và đều quanh năm. Một năm được chia thành hai mùa gồm: Mùa mưa và mùa khô. Nhìn chung, khí hậu khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, thích hợp cho các loại cây trồng như cây lúa và cây màu các loại.

1.1.4. Chế độ thủy văn

Chế độ thủy văn của huyện phụ thuộc chủ yếu vào chế độ bán nhật triều không đều, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy sông Hậu cùng các yếu tố khác như: Chế độ gió, chế độ mưa, đặc điểm địa hình, địa mạo và hình thái kênh, rạch,...Mực nước đỉnh triều cao nhất trên sông Hậu là 2,63 m và mực nước thấp nhất là 0,79 m.

Kênh Rạch Giá - Long Xuyên nối sông Hậu tại Long Xuyên kéo dài theo hướng Tây Nam, ngang qua thị trấn Núi Sập, tiếp giáp với sông Kiên Giang đổ ra biển Tây tại cửa biển Rạch Giá, lưu lượng trung bình năm khoảng 3.000 m³/giây (lưu lượng vào mùa mưa khoảng 4.500 m³/giây, vào mùa khô khoảng 2.000 m³/giây). Hàng năm vào mùa nước nổi, Thoại Sơn thường ít bị thiệt hại hơn so với các địa bàn khác trong tỉnh do địa hình trung bình tương đối cao, trên 98% diện tích đất canh tác được đê bao kiểm soát lũ, cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện.

Ngoài ra còn có nhiều kênh rạch tự nhiên vừa phục vụ cho tưới tiêu trong sản xuất, vừa phục vụ cho sinh hoạt và giao thông đường thủy. Hệ thống kênh đào gồm các kênh chính như: Kênh ranh Thoại Sơn - Tri Tôn, Kênh Tân Vọng, Kênh Trục, Kênh Bốn Tổng,... Hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo đất, cung cấp lượng phù sa màu mỡ và là hệ thống thoát lũ ra biển Tây. Bên cạnh đó, nguồn nước mưa tương đối lớn thuận lợi cho việc tích trữ sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

1.2. Các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Theo tài liệu thổ nhưỡng Chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang do trường Đại học An Giang xây dựng năm 2006, trên địa bàn huyện Thoại Sơn có các loại đất như sau:

* *Nhóm đất cát núi*: Diện tích 926 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích tự nhiên.

- Eutric Leptosols (ký hiệu LPe, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, dinh dưỡng khá). Đặc điểm của loại đất này là có tầng mặt rất mỏng, thường không dày hơn 30 cm. Sa cấu của loại đất này phần lớn là cát và các thành phần không phải là đất (cấp hạt có đường kính >2 mm), cùng với xác bã hữu cơ. Do bị rửa trôi hàng năm nên các nguyên tố dinh dưỡng của loại đất này rất kém, chỉ thích hợp cho việc trồng các loại cây lâu năm có bộ rễ ăn sâu hoặc trồng rừng. Đất này tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Óc Eo, thị trấn Núi Sập, xã An Bình và xã Vọng

Đông.

* *Nhóm đất phù sa*: 44.985 ha, chiếm 95,50% tổng diện tích tự nhiên. Gồm 3 loại đất chính.

- Fluvi Mollic Gleysols (ký hiệu GLmf, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi): Có diện tích 5.619 ha, chiếm 11,98% diện tích tự nhiên. Đây là loại đất có đặc tính fluvic ít nhất là một tầng đất trong suốt phần diện. Tuy nhiên, đặc tính chủ yếu của biểu loại đất này là đặc tính glây, xuất hiện trong vòng 50 cm lớp đất mặt. Khác với các biểu loại đất phù sa không phèn khác, biểu loại đất này có tầng mặt tương đối dày, thường là 25 cm hay sâu hơn (đôi khi mỏng hơn tùy theo độ dày của solum). Tầng mặt này có màu sậm do tích tụ chất hữu cơ. Độ bão hòa base > 50% chứng tỏ độ phì tiềm tàng cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng. Tuy nhiên, cần thận trọng trong việc bón phân dư thừa trên các vùng thâm canh cao, điều này có thể dẫn đến việc tăng đặc tính hóa học không có lợi cho đất. Hiện tại phần lớn diện tích của loại đất này trên địa bàn huyện Thoại Sơn là dùng để canh tác nông nghiệp (trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản, cây lâu năm,...). Loại đất này tập trung chủ yếu ở thị trấn Phú Hòa, xã Phú Thuận, xã Vĩnh Chánh và một phần xã Vĩnh Trạch.

- Umbric Gleysols (ký hiệu GLu, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém): Có diện tích 6.203 ha, chiếm 13,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Vĩnh Trạch, Vĩnh Phú, Vọng Thê, Vọng Đông và một phần xã Định Mỹ. Đặc tính của loại đất này là có tầng mặt tương đối dày thường là 25 cm hoặc cao hơn, có màu hơi sậm do tích tụ nhiều chất hữu cơ. Tuy nhiên, độ bão hòa base < 50%, đây là dấu hiệu chứng tỏ độ phì tiềm tàng thấp. Vì thế khi canh tác cần bố trí mùa vụ thích hợp hoặc có biện pháp canh tác hợp lý.

- Humi Umbric Gleysols (ký hiệu GLuh, đất glây, đọng mùn, dinh dưỡng kém): Có diện tích 33.163 ha, chiếm 70,73% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là loại đất có sự tích tụ mùn ở tầng mặt tương đối dày, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là cây trồng cạn. Hiện trạng loại đất này chủ yếu dùng để canh tác lúa và các loại hoa màu. Đây cũng là loại đất hầu như phổ biến ở 17 xã, thị trấn của huyện.

* *Nhóm đất phèn*: 1.157,88 ha, chiếm 2,46% tổng diện tích tự nhiên. Gồm có 3 loại đất chính.

- Dystric–Orthic–Endo Thionic Fluvisols, with jarosite (ký hiệu FLt(oenj)d, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt mỏng, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, có phù sa bồi): Có diện tích 10,95 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đốm jarosite trong phần diện trong các tầng đất khác nhau ở độ sâu hơn 50 cm. Tầng mặt thường mỏng và độ bão hòa base thấp là những yếu tố kết hợp gây bất lợi cho cây trồng, nên khi bón phân cần kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn cần thiết

cho đất phèn hoạt động nói chung. Loại đất này tập trung duy nhất ở địa bàn xã Vọng Thê.

- Umbri–Orthi–Endo Thionic Gleysols (ký hiệu GLt(oen)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có đốm jarosite, glây): Có diện tích 999 ha chiếm 2,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Tây Phú, An Bình và một phần xã Vọng Thê. Đây là loại đất phèn trung bình, không có đốm jarosite trong phẫu diện đất. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Nhìn chung loại đất này thích nghi với nhiều loại cây trồng.

- Umbri–Orthi–Endo Thionic Gleysols, with jarosite (ký hiệu GLt(oenj)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, glây): Có diện tích 148 ha, chiếm 0,32% diện tích tự nhiên, tập trung duy nhất ở địa bàn thị trấn Núi Sập. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đốm jarosite trong phẫu diện đất ở các tầng đất khác nhau, thường ở độ sâu hơn 50 cm. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Do đó, trong quá trình canh tác cần bón kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn cần thiết cho đất phèn hoạt động nói chung.

1.2.2. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của huyện bao gồm nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm và nguồn nước mưa:

- Nước mặt: Nguồn nước mặt hiện nay được xem là nguồn nước chủ lực phục vụ tưới tiêu cho hầu hết diện tích đất canh tác nông nghiệp. Ngoài việc sử dụng nguồn nước mặt cho sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực sản xuất khác, nguồn nước mặt còn là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các hộ dân, cho các nhà máy chế biến và nuôi trồng thủy sản... Nguồn nước mặt của huyện được cung cấp chủ yếu từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên với chiều dài chảy qua địa phận huyện Thoại Sơn khoảng 31 km. Lưu lượng nước của kênh trung bình khoảng 3.000 m³/giây nên khả năng dẫn nước vào các kênh, rạch nội đồng là khá lớn, đủ sức cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất kể cả trong những tháng mùa khô.

Nhìn chung, lưu lượng và trữ lượng nước mặt trên địa bàn huyện Thoại Sơn hầu hết là nước ngọt và khá dồi dào, đây là điều kiện thuận lợi để huyện phát triển nông nghiệp và các ngành thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp. Nhưng bên cạnh việc khai thác và sử dụng nguồn nước mặt thì địa phương cũng cần có

những chính sách quản lý nguồn nước chặt chẽ hơn nhằm hướng đến một môi trường trong sạch, bền vững.

- Nước ngầm: Theo nhận định và nghiên cứu của nhiều chuyên gia thì nước ngầm của huyện Thoại Sơn có trữ lượng rất lớn. Qua kết quả khảo sát của Cục quản lý tài nguyên nước, An Giang là một trong những tỉnh có nguồn nước ngầm tương đối dồi dào nhưng cũng là tỉnh đứng hàng đầu của Đồng bằng sông Cửu Long về mức độ nhiễm Asen trong nước ngầm.

Vì thế trong quá trình quản lý và sử dụng, địa phương cần có những biện pháp khắc phục để nguồn tài nguyên nước ngầm của huyện ngày càng phát huy hiệu quả, nhằm gánh bớt được phần nào về nhu cầu sử dụng nguồn nước mặt nhưng đang có nguy cơ và nhiều tiềm ẩn ô nhiễm như hiện nay.

- Nước mưa: Mùa mưa ở Thoại Sơn tập trung từ tháng 5 đến tháng 11, chiếm 90% lượng mưa cả năm với tổng lượng mưa bình quân năm từ 1.500 - 1.600 mm. Nguồn nước này cũng cung cấp đáng kể cho mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt của huyện.

1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

Một số tài nguyên khoáng sản được đánh giá có trữ lượng lớn như đá xây dựng và nước khoáng chứa khoáng silic. Ngoài các loại đá granit đã được khai thác, các nhà nghiên cứu còn tìm thấy những mạch pecmatic chứa trăn kali và natri rất quý cho công nghiệp sản xuất gốm sứ. Một số vùng rìa tiếp xúc giữa đá granit với đá thông thường, xung quanh phát hiện một số loại đá quý khác như hồng ngọc, thạch anh ám khói, thạch anh tím trong các mạch pecmatic, tập trung nhiều ở núi Ba Thê thuộc địa bàn thị trấn Óc Eo.

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu còn phát hiện ra một loại khoáng sản vô cùng quý hiếm đó là gốm đen có trữ lượng rất lớn. Điểm nổi bật của gốm đen là có thể nổi trên mặt nước. Hiện nay, đã có chương trình phối hợp với tỉnh An Giang hoàn chỉnh quy trình chế tác và nung thành công gốm đen thuộc nền văn minh Óc Eo, nhằm khôi phục và phát huy nghệ thuật truyền thống về đồ gốm cổ của địa phương.

Nhìn chung, nguồn tài nguyên khoáng sản của huyện khá dồi dào, có giá trị kinh tế khá cao, tiềm năng khai thác khá phong phú và điều kiện khai thác cũng tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác địa phương nên cân nhắc đến tính hiệu quả về kinh tế - xã hội cũng như những biến đổi bất lợi về môi trường trong tương lai.

1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Thoại Sơn được xem là vùng đất huyền thoại của tỉnh An Giang, có nhiều di tích lịch sử văn hóa với những công trình kiến trúc nghệ thuật, những danh lam thắng cảnh và đặc biệt là những di chỉ khảo cổ ghi đậm dấu ấn lịch sử tồn tại lâu đời. Từ những hiện vật phát hiện được ở quần thể di tích phân bố trên

sườn núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo, chứng minh sự tồn tại của vương quốc Phù Nam - một vương quốc thịnh trị, có tầm ảnh hưởng bao trùm cả vùng Nam Bộ từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VII. Một số di tích nổi tiếng điển hình như: Khu di tích khảo cổ nền văn minh Óc Eo được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt, 02 bia đá và tượng phật 4 tay là di tích kiến trúc nghệ thuật tại thị trấn Óc Eo, bia Thoại Sơn tại đình thần Thoại Ngọc Hầu cũng được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia. Đặc biệt, với sự phát triển Thiền Viện Trúc Lâm An Giang, được xây dựng từ năm 2017 với quy mô diện tích 11 ha, tọa lạc tại Khu Du Lịch Lòng Hồ số 2 thuộc thị trấn Núi Sập, trở thành một danh lam thắng cảnh mới vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh tín ngưỡng của Nhân dân; vừa tạo thêm cảnh quan du lịch sinh thái cộng đồng góp phần lưu giữ và phát huy những nét văn hóa.

Ngoài các di tích nêu trên, huyện còn có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, gồm: Dân tộc Kinh, Hoa, Khmer và các dân tộc khác. Trong đó dân tộc kinh chiếm phần lớn trên 97,67% dân số của huyện, các dân tộc nói chung đã hoà nhập thành một cộng đồng dân cư đoàn kết, gắn bó, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi dân tộc đều mộ đạo và có tâm linh tín ngưỡng riêng, đặc thù cho dân tộc mình. Nhìn chung tất cả đều có chung mục đích là sống tốt đời, đẹp đạo, các hoạt động của các tổ chức tôn giáo đều tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

1.3. Thực trạng môi trường

1.3.1. Thực trạng môi trường ở các đô thị và các khu dân cư tập trung

Môi trường đô thị ngày càng ô nhiễm theo tiến độ đô thị hóa, thể hiện qua thực trạng xả thải (nước thải sinh hoạt không qua xử lý, chất thải sinh hoạt chưa được thu gom triệt để và chưa có giải pháp xử lý phù hợp), vẫn còn các cơ sở sản xuất, nhà máy xen lẫn trong khu dân cư.

Về nguồn nước: Chất lượng nước mặt đang có chiều hướng suy giảm. Nồng độ các chất ô nhiễm đều có chiều hướng gia tăng, nhiều chỉ tiêu đã vượt tiêu chuẩn cho phép như: COD, BOD5, NH3, Coliform... Nước ngầm cũng đã có dấu hiệu ô nhiễm như Mangan, arsen. Nhiều điểm quan trắc, hàm lượng sắt vượt tiêu chuẩn cho phép. Đặc biệt, vài điểm có dấu hiệu nước ngầm bị nước mặn xâm nhập.

Về môi trường không khí và tiếng ồn: Chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các nhà máy, lò sấy thủ công làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân xung quanh và cây trồng, chất lượng không khí tại Cụm công nghiệp Phú Hòa ở mức thấp. Ngoài ra, còn bị ô nhiễm bởi khói bụi, tiếng ồn từ các phương tiện giao thông.

Về chất thải rắn: Trên địa bàn huyện hiện có các bãi rác đang hoạt động được Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện quản lý, điều tiết rác, đảm bảo rác không tràn ra ngoài gây ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh và vệ sinh môi

trường. Tuy nhiên, các bãi rác huyện đều là bãi rác lộ thiên gây ô nhiễm môi trường, trong đó một số bãi rác thuộc danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý triệt để.

Tóm lại, hiện nay đã xuất hiện tình trạng ô nhiễm môi trường không khí ở các khu vực đô thị và các khu tập trung sản xuất công nghiệp; ô nhiễm nguồn nước mặt làm giảm chất lượng nước cung cấp cho sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản; ô nhiễm do rác thải từ hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt chưa có nơi xử lý hoặc chôn lấp không đúng kỹ thuật.

1.3.2. Thực trạng môi trường nông thôn

Do điều kiện tự nhiên về địa hình, thủy văn đã tạo nên tập quán sống từ xưa của cư dân nông thôn trong huyện là sống ven theo nguồn nước mặt, kênh, rạch, xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm thải trực tiếp ra kênh, rạch, ô nhiễm môi trường đất sản xuất nông nghiệp có chiều hướng gia tăng do không kiểm soát việc sử dụng phân bón và thuốc hóa học phòng trừ sâu bệnh. Ngoài ra, việc phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp với công nghệ lạc hậu đang làm ô nhiễm môi trường nặng nề, đe dọa đến sức khỏe nhân dân trong các vùng có làng nghề. Đặc biệt qua điều tra, còn nhiều hộ cất nhà trên kênh, rạch hoặc trong hành lang kênh, rạch gây ô nhiễm khá nghiêm trọng môi trường nước mặt và ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực.

1.3.3. Thực trạng môi trường ở các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung

Môi trường tại các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung gây ô nhiễm không khí có tác động lớn như: Xay sát lương thực, sản xuất vật liệu xây dựng và nghề đá. Trước đây, những cơ sở này sản xuất theo phương pháp truyền thống nên gây ô nhiễm môi trường đáng kể. Tuy nhiên, với nỗ lực của chính quyền địa phương và nhận thức của các chủ cơ sở, đến nay phần lớn các cơ sở đã thay đổi công nghệ sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

1.3.4. Thực trạng môi trường ở các khu vực đê bao kiểm soát lũ

Xây dựng đê bao bảo vệ sản xuất nông nghiệp là một giải pháp quan trọng đối với đặc thù mùa nước nổi của tỉnh An Giang. Qua nhiều năm khảo sát, quan trắc đã cho những kết quả không khả quan về chất lượng môi trường. Chất lượng nước mặt suy giảm với chỉ tiêu amoniac (NH_3) vượt rất cao so với tiêu chuẩn môi trường; coliforms, BOD5, photpho tổng số,... đều vượt so với tiêu chuẩn môi trường, dễ xảy ra hiện tượng phú dưỡng, bùng nổ tảo trong môi trường nước và ảnh hưởng đến động vật thủy sinh.

Chất lượng đất suy giảm dẫn đến năng suất cây trồng suy giảm nhưng chi phí sản xuất tăng cao (phân bón, thuốc trừ sâu). Việc tuyên truyền cho nông dân sử dụng phân hữu cơ, vi sinh, tiết giảm lượng thuốc trừ sâu và giải pháp xả lũ có được áp dụng nhưng chưa rộng rãi.

1.3.5. Đánh giá chung về thực trạng môi trường

Môi trường sinh thái ở Thoại Sơn ngày càng chịu nhiều sức ép từ phát triển kinh tế, gia tăng dân số, đô thị hóa, phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Các chất ô nhiễm có nguồn gốc từ chất thải công nghiệp, sinh hoạt và đặc biệt là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản có chiều hướng tăng nhanh.

Trong những năm gần đây tốc độ phát triển đô thị cũng như hiện đại hóa trên địa bàn diễn ra nhanh chóng; trong khi đó, các công trình hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thu gom và xử lý rác thải,... không đủ khả năng đáp ứng với yêu cầu phát triển đô thị. Do nguồn vốn ngân sách của Nhà nước có hạn nên việc đầu tư cho lĩnh vực này còn khiêm tốn, vì vậy môi trường và mỹ quan đô thị đang có dấu hiệu xuống cấp; đặc biệt là vấn đề về thoát nước, rác thải đã ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và sức khỏe của người dân.

Đã xuất hiện tình trạng suy thoái môi trường không khí ở các đô thị và các khu vực tập trung các cơ sở sản xuất; ô nhiễm nguồn nước mặt làm giảm chất lượng nước cung cấp sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản; suy giảm chất lượng môi trường đất đang rõ nét ở các vùng đô thị bao kiểm soát lũ triệt để; ô nhiễm do rác thải chưa có nơi xử lý hoặc chôn lấp không đúng kỹ thuật.

Để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay, cần có giải pháp đồng bộ như xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các biện pháp xử lý nguồn nước mặt, nước ngầm, thu gom rác thải, phân loại và có cách xử lý đảm bảo vệ sinh; đồng thời, các cấp chính quyền cần phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục người dân về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.4.1. Thuận lợi

Có vị trí nằm ở phía Nam tỉnh An Giang, có Quốc lộ 80, Đường tỉnh 943, 947, 960 chạy qua, đây là các tuyến giao thông bộ huyết mạch nên rất thuận lợi cho huyện trong việc đầu tư, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Với lợi thế về vị trí địa lý tiếp giáp với thành phố Long Xuyên là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ là cầu nối để phát triển kinh tế - xã hội liên vùng.

Nguồn tài nguyên màu mỡ, nguồn nước mặt phong phú, điều kiện khí hậu thuận lợi cho phát triển sản xuất nông - thủy sản, nhằm phục vụ sản xuất công nghiệp.

Thoại Sơn là một huyện đặc thù vừa có đồng bằng, vừa có đồi núi với

nhiều thắng cảnh đẹp, tài nguyên nhân văn phong phú, đa dạng, hội tụ nhiều công trình lịch sử, văn hóa kiến trúc độc đáo thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng.

1.4.2. Khó khăn

Địa hình tiếp giáp với tỉnh ven biển có những khó khăn thách thức như xâm nhập mặn gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Kết cấu hạ tầng đầu tư chưa đồng bộ, nhất là về cầu, đường giao thông, hệ thống điện, nước, hạ tầng cụm công nghiệp, cụm tuyến dân cư làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân và công tác kêu gọi đầu tư.

Huyện có nguồn lao động dồi dào, được quan tâm đào tạo nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa được cải thiện nhiều. Đây là rào cản rất lớn để Thoại Sơn phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ hiện đại hướng đến xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh quốc tế mạnh mẽ.

Hiện tại vấn đề ô nhiễm môi trường tuy chưa bị ảnh hưởng nhiều, song cũng đã phần nào ảnh hưởng đến sản xuất, chất lượng cuộc sống và sức khỏe của người dân, chủ yếu là các tuyến dân cư dọc các kênh, rạch.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Cùng với việc phát triển kinh tế của tỉnh An Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong những năm qua kinh tế - xã hội của huyện đã có bước chuyển biến tích cực, đạt được những thành tựu quan trọng về nhiều mặt, mức đầu tư hạ tầng cơ sở được nâng cao, hệ thống giao thông, thủy lợi, các trường học, bệnh viện, công trình văn hoá,... được củng cố và phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện.

Năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Các hoạt động thương mại, dịch vụ, nhu cầu đi lại, hoạt động văn hóa, xã hội nhộn nhịp, sôi động, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023. Với mục tiêu tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện và các ngành, địa phương đã quyết liệt thực hiện các giải pháp điều hành kinh tế - xã hội. Kết quả trong năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội của huyện phát triển ổn định và tăng trưởng so với cùng kỳ. Các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt. Trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh được đảm bảo.

2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong những năm qua, tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các lĩnh vực trên địa bàn huyện Thoại Sơn diễn ra theo hướng tích cực khá rõ nét, tỷ

trọng của ngành nông nghiệp giảm trong khi tỷ trọng của ngành thương mại - dịch vụ và du lịch và công nghiệp - xây dựng tăng. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch chưa cao, ngành nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn. Ngành nông nghiệp là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện, kế đến là ngành thương mại - dịch vụ và du lịch và thấp nhất là ngành công nghiệp - xây dựng.

Trong tương lai, để tạo thêm động lực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động và nâng cao đời sống nhân dân, ngoài việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp, cần đầu tư, đẩy mạnh sự phát triển của các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ và du lịch nhằm tăng nhanh tỷ trọng hai ngành này trong cơ cấu kinh tế của huyện.

2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

2.2.1. Nông - lâm - thủy sản

Toàn huyện xuống giống lúa 3 vụ được 113.212 ha/112.452 ha (*đạt 100,7% so với kế hoạch*); trong đó, lúa chất lượng cao 96.712 ha/90.000 ha (*đạt 108% so với kế hoạch và chiếm 85,4% diện tích xuống giống*); sâu bệnh có gây hại trên lúa nhưng không ảnh hưởng nhiều đến năng suất cuối vụ; liên kết tiêu thụ với các công ty, doanh nghiệp khoảng 15.000 ha. Diện tích gieo trồng rau màu 1.800/1.800 ha, đạt 100% so với kế hoạch (*trong đó: vụ Đông xuân 624 ha, Hè thu 576 ha, Thu đông 600 ha*); cây ăn trái 1.049 ha/1.000 ha, đạt 105% so với kế hoạch (*trong đó: diện tích chuyển đổi từ đất lúa là 884,85 ha, đồi núi 40,14 ha, vườn tạp 124,47 ha*).

Thực hiện đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”; huyện Thoại Sơn đã xây dựng kế hoạch thực hiện đến năm 2030 với diện tích tham gia là 32.000 ha. Đến nay, đang triển khai thực hiện 9.781 ha trên nền tảng từ dự án “Chuyển đổi nông nghiệp bền vững - VnSAT” trước đây. Song song đó, phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện 05 mô hình mẫu của Đề án (*gồm: (1) Mô hình 100 ha tại xã Bình Thành, liên kết với Tập đoàn Tân Long và Công ty phân bón hữu cơ Con Voi Bình Dương sản xuất lúa an toàn tiến đến chuẩn hữu cơ xuất khẩu EU; (2) Mô hình 43 ha tại xã An Bình, liên kết với Tập Đoàn Lộc Trời sản xuất theo tiêu chuẩn sản xuất lúa bền vững SRP; (3) Mô hình gieo sạ cụm giảm giống kết hợp bón vùi phân tại các xã Vĩnh Khánh, Định Thành, Tây Phú, Vọng Thê, Mỹ Phú Đông và Vĩnh Phú; (4) Mô hình thuộc dự án TRVC “Chuyển đổi chuỗi giá trị lúa gạo ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long” thực hiện ở các xã Vọng Đông, Bình Thành, An Bình, Tây Phú, Vọng Thê với diện tích 200 ha có 45 nông dân tham gia; (5) Mô*

hình 15 ha thực hiện tại HTX Tây Phú do Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh thực hiện trong vụ Thu đông với đầy đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu của đề án và có đơn vị đo tính, tín chỉ carbon).

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y, thủy sản; triển khai tốt công tác phòng, chống dịch bệnh và kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm; tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện trên 761.000 con và thả nuôi thủy sản được 600/600 ha (đạt 100% so với kế hoạch năm). Trong năm 2024, công nhận thêm 03 sản phẩm đạt OCOP 3 Sao, nâng tổng sản phẩm OCOP từ 3 Sao là 26 sản phẩm (Gồm: Tranh lá thốt nốt, Nấm Linh chi, Đông trùng Hạ thảo Tri Thức, Bưởi da xanh, Gạo An Bình 1, Khô cá lóc 7 chóp, Cóc sấy dẻo, Trà sâm Đinh lăng, Rượu sâm Đinh lăng, Chả cá sốt Mayonnaise, Tàu hũ ky 7 Nhiều, Rượu nho rừng Năm Mai, Khô cá lóc Đại Phát, Cải xanh, Tía tô, Diếp cá, Salad, Rau muống, Dưa lười Vĩnh Thành, Nước mắm Thanh Tuyền, Lươn cắt khúc đông lạnh Lộc Phát Tài, Mật ong Anh Thiện, Thanh nhãn Tư Thống, Mật ong Hùng Bá, Nem tươi Hùng Vĩ, Kim chi Cải thảo. Riêng 02 sản phẩm đạt chuẩn 5 Sao được Trung ương công nhận (gạo Tiên Nữ, gạo Thiên Vương thuộc Công ty lương thực Thoại Sơn) đến nay đã hết hạn công nhận) tạo sức bật cho nông nghiệp, nông dân, thúc đẩy kinh tế nông thôn, góp phần thực hiện thành công Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn. Đến nay, trên địa bàn huyện có 02 xã (Vĩnh Trạch, Định Thành) NTM kiểu mẫu và huyện Thoại Sơn được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023. Bên cạnh việc duy trì, nâng chất các chỉ tiêu huyện, xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu đã đạt; huyện tập trung thực hiện mô hình NTM kiểu mẫu lĩnh vực Chuyển đổi số - xã Thoại Giang.

2.2.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng

- Về Công nghiệp- Tiểu thủ công nghiệp: Theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở Công nghiệp - TTCN, hướng dẫn các cơ sở có nhu cầu được hỗ trợ chính sách khuyến công theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh. Phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh khảo sát, hỗ trợ máy móc, thiết bị trong sản xuất kinh doanh đối với cơ sở Chả lụa 5 Huynh, Nem tươi - nem nướng Hùng Vĩ, HKD thực phẩm An Khang và HKD Dương Văn Thụ - Thoại Sơn. Hỗ trợ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Nhãn hiệu Chứng nhận “An Giang” cho 05 loại rau của Tập đoàn Hải Kim Long. Đồng thời, thông báo và hỗ trợ 06 cơ sở sản xuất, kinh doanh (Gồm: HKD thực phẩm An Khang, HKD Khô Đại Phát, HKD Khô 7 Chóp, HKD Nem tươi - Nem nướng Hùng Vĩ, HKD Vương Kim, HKD Nguyễn Thị Mai) tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2024.

Tham gia Đoàn kiểm tra của Sở Công thương về việc thực hiện các quy định về kiểm tra, kiến nghị xử lý các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định về an toàn điện và sử dụng điện tại Xí nghiệp Điện nước Thoại Sơn.

- *Về đầu tư xây dựng*: Giải ngân đầu tư công ước đạt trên 78% kế hoạch vốn. Hoàn thành đưa vào sử dụng 07 cây cầu xã hội hóa (*đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết*) (Gồm: (1) cầu Lô II Kênh Xã Diều – xã Bình Thành; (2) cầu Đình - xã Vĩnh Chánh; (3) cầu kênh Bốn Tổng - xã Vĩnh Khánh; (4) cầu Trúc Lâm Tiêu Dao – xã Vĩnh Khánh; (5) cầu Cây Gáo – xã Vĩnh Chánh; (6) cầu ranh Kênh 3000 (cầu ranh Bình Thành - Vọng Đông) - xã Bình Thành; (7) cầu Hy Vọng 421 (cầu Hùng Lợi) - xã Tây Phú); 48,69 km/16 km đường giao thông nông thôn (*vượt 204% chỉ tiêu nghị quyết*) và đầu tư nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường GTNT được 53,5 km/31,2 km (*vượt 72% chỉ tiêu nghị quyết*). Tập trung thực hiện các công trình chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị (Gồm: Tuyến đường kênh E - TT Núi Sập; Công trình Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mặc Cắn Dện lớn - TT Phú Hòa, ...); phối hợp theo dõi tiến độ thực hiện các công trình do tỉnh triển khai (Gồm: Dự án cầu Phú Vĩnh, Dự án Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng) và đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án ĐTXD tuyến đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn huyện Thoại Sơn).

2.2.3. Thương mại, dịch vụ, du lịch

- *Thương mại - Dịch vụ*: Thực hiện tốt công tác kiểm tra chuyên ngành và liên ngành nhằm đảm bảo việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống. Phối hợp Sở Công thương tổ chức các lớp tập huấn năm 2024 và phối hợp Tổ công tác liên ngành thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng đối với kinh doanh bán lẻ xăng dầu và kinh doanh vàng trên địa bàn huyện. Theo dõi tiến độ kinh doanh, khai thác và quản lý chợ của các doanh nghiệp; đồng thời, rà soát hồ sơ đầu tư, đôn đốc doanh nghiệp hoàn thành hồ sơ hoàn công công trình và hồ sơ quản lý chợ.

- *Vận tải hàng hóa và hành khách*: Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đảm bảo an toàn giao thông; các tuyến cố định nội tỉnh, liên tỉnh và các tuyến xe buýt của Công ty Cổ phần xe khách Phương Trang hoạt động ổn định phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- *Du lịch*: Tổng lượng khách đến tham quan trên địa bàn huyện trên 537.000 lượt người (*tăng khoảng 121.000 lượt người so với cùng kỳ năm 2023*); trong đó, Khu du lịch Hồ Ông Thoại tiếp đón trên 9.200 lượt người với doanh

thu 170 triệu đồng (*giảm khoảng 10.800 lượt người và doanh thu giảm khoảng 380 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2023*).

2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập

2.3.1. Dân số

Theo Niên giám thống kê năm 2023, dân số toàn huyện có 163.251 người với 42.838 hộ. Về tập quán cư trú, đa số người dân sống ở khu vực nông thôn chiếm 74,91% so với dân số toàn huyện.

Dân số theo dân tộc: Phần lớn người dân sinh sống trên địa bàn huyện là dân tộc Kinh, còn lại là dân tộc Hoa, Khmer và dân tộc khác. Người Kinh phân bố đều ở các xã, thị trấn, người Hoa sống tập trung nhiều ở các thị trấn và một số ít ở các xã.

Về cơ cấu dân số theo giới tính: Nam chiếm 50,51% dân số, nữ chiếm tỷ lệ thấp hơn với 49,49%.

2.3.2. Lao động, việc làm và thu nhập

- *Lao động, việc làm*: Các chỉ tiêu về đào tạo nghề và giải quyết việc làm vượt so với nghị quyết đề ra. Cụ thể: Tư vấn, giới thiệu việc làm cho 4.200 lao động (Trong đó: Xuất khẩu lao động 172 người); mở 63 lớp đào tạo nghề cho 1.340 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế là 72,22%.

- *Thu nhập*: Thu nhập bình quân đầu người đạt 73,7 triệu đồng/người/năm.

2.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.4.1. Khu vực đô thị

Hệ thống đô thị của huyện gồm: Thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo, trong đó: Thị trấn Núi Sập được công nhận là đô thị loại IV theo Quyết định số 13/QĐ-BXD ngày 12/01/2016 của Bộ Xây dựng.

Đối với Chương trình phát triển đô thị 03 thị trấn đến năm 2035: UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Núi Sập; đồng thời, cũng đã phê duyệt hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Óc Eo và Phú Hòa.

2.4.2. Khu vực nông thôn

Thoại Sơn vinh dự trở thành huyện Nông thôn mới từ năm 2018, được Hội kỷ lục Việt Nam trao Bằng xác lập kỷ lục “Huyện đầu tiên trong cả nước đạt 3 danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới và huyện Nông thôn mới; đến nay Thoại Sơn đã được công nhận huyện Nông thôn mới nâng cao.

Thực trạng phát triển nông thôn của huyện Thoại Sơn cũng giống như các huyện đồng bằng trong tỉnh. Dựa vào điều kiện địa hình và tập quán sinh hoạt,

sản xuất, các khu dân cư tập trung trên địa bàn huyện Thoại Sơn thường phân bố theo kênh, rạch, các trục đường giao thông, nơi giao nhau giữa các tuyến kênh, các đường giao thông nhằm tận dụng các lợi thế về nguồn nước, giao thông phục vụ cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.

Khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM), huyện Thoại Sơn cũng gặp những khó khăn đáng kể. Tuy nhiên, quyết tâm cao của các cấp, các ngành và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị đã giúp huyện đạt những kết quả tích cực. Nhờ xây dựng NTM, những con đường “nặng bụi, mưa bùn” đã được thay bằng đường nhựa phẳng tấp. Những chiếc cầu khi đóng đũa nay được thay bằng cầu bê tông vững chắc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Tuy nhiên, tình trạng xây cất nhà trên kênh, rạch trên địa bàn huyện Thoại Sơn vẫn còn. Đa số các hộ xây cất nhà trên kênh, rạch của huyện là các hộ dân nghèo gồm các thành phần làm ruộng, làm thuê, mua bán nhỏ lẻ, không có đất ở nơi khác, không có khả năng hoặc chi phí di dời nên thực trạng này vẫn còn tồn tại. Hướng tới huyện cần phải có những giải pháp thiết thực nhằm giải quyết dứt điểm thực trạng này.

2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

2.5.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông của huyện Thoại Sơn bao gồm giao thông bộ và giao thông thủy, trong đó:

Hệ thống giao thông bộ của huyện được hình thành theo 4 cấp quản lý: Trung ương, tỉnh, huyện và xã với các tuyến đường chính như sau:

- *Quốc lộ*: Trên địa bàn huyện hiện chỉ có tuyến Quốc lộ 80 đi qua địa phận xã Phú Thuận dọc theo kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang với chiều dài 1,2 km, mặt nhựa 7 m, nền rộng 10 m. Tuyến kết nối huyện Thoại Sơn đi Kiên Giang và giao QL91 đi các nơi.

- *Đường tỉnh*: Trên địa bàn huyện hiện có 03 tuyến Đường tỉnh đi qua là ĐT.943 và ĐT.947:

- (b1) ĐT.943: Tuyến nối QL.91 tại TP.Long Xuyên - qua Thoại Sơn - đến TT.Tri Tôn (giao ĐT.941) với tổng chiều dài 64,0 km, qui mô và chất lượng toàn tuyến chưa đồng bộ.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 37,8 km, từ giáp ranh TP.Long Xuyên qua TT.Phú Hòa - TT.Núi Sập - TT.Óc Eo đến giáp ranh huyện Tri Tôn, bao gồm:

- + Đoạn từ cầu Phú Hòa - cầu Cống Vong dài 16,1 km, hiện đã nâng cấp xong, mặt nhựa rộng 14 m, nền rộng 20 m;

+ Đoạn từ cầu Cống Vong - cầu Thoại Giang dài 1,8 km, mặt nhựa 7 m, nền 12 m, chất lượng tốt;

+ Đoạn từ cầu Thoại Giang đến giáp ranh huyện Tri Tôn dài khoảng 20,0 km, mặt nhựa 6 m, nền 9 m, chất lượng tốt.

(b2) ĐT.947: Tuyến nối QL.91 tại cầu Cây Dương (H.Châu Phú) - qua H.Châu Thành – H.Thoại Sơn – đến ranh tỉnh Kiên Giang (nối tiếp ra Quốc lộ 80) với chiều dài 35,0 km. Hiện trên tuyến tải trọng của hệ thống cầu không đồng bộ với tải trọng của đường (còn nhiều cầu có tải trọng 1 - 1,5T), hạn chế khả năng lưu thông trên toàn tuyến.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 18,0 km, từ cầu Kênh Láng (giáp ranh H.Châu Thành) qua xã Tây Phú - An Bình - Vọng Thê đến giáp ranh tỉnh Kiên Giang, mặt nhựa 3,5 m, nền rộng 5,5 m, chất lượng tuyến trung bình.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có tuyến Đường tỉnh 960 đi qua.

- *Đường huyện*: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 12 tuyến Đường huyện với tổng chiều dài 151,2 km; tỷ lệ bê tông và nhựa hóa chiếm 100%, trong đó: Đường nhựa chiếm 36,8% (dài 55,6 km), đường BTXM chiếm 63,2% (dài 95,6 km).

- *Đường xã*: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 130 tuyến Đường xã, với tổng chiều dài 630 km, trong đó: Đường nhựa 80,4 km, chiếm 12,8%; đường bê tông xi măng (BTXM) 88,2 km, chiếm 14,0%; và đường cấp phối + đất 461,4 km, chiếm 73,2%. Tổng hợp mạng lưới đường xã hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 86%.

- *Đường đô thị*: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 91 tuyến đường Đô thị tại 03 thị trấn (Phú Hòa, Núi Sập, Óc Eo) với tổng chiều dài 50,2 km, trong đó: Hầu hết là đường nhựa 45,6 km, chiếm 90,8%; đường cấp phối + đất 4,3 km, chiếm 8,6%; đường bê tông xi măng (BTXM) 0,3 km, chiếm 0,6%. Tổng hợp mạng lưới Đường đô thị hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 91,4%.

- *Hệ thống bến xe*: Trên địa bàn huyện hiện có 02 bến xe khách:

+ Bến xe Núi Sập: Nằm trên Đường tỉnh 943, gần cầu Cống Vong, thị trấn Núi Sập với tổng diện tích 1.815 m² đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

+ Bến xe Óc Eo: Nằm trên Đường tỉnh 943, thị trấn Óc Eo với tổng diện tích 3.329 m² đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

+ Trên địa bàn huyện chỉ có 01 tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ phà An Hòa đến UBND xã Vọng Thê.

Trong năm 2024, địa phương đã hoàn thành đưa vào sử dụng 07 cây cầu xã hội hóa (*đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết*); 48,69 km/16 km đường giao thông nông thôn (*vượt 204% chỉ tiêu nghị quyết*) và đầu tư nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường GTNT được 53,5 km/31,2 km (*vượt 72% chỉ tiêu nghị quyết*). Tập trung

thực hiện các công trình chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị (Gồm: Tuyến đường kênh E - TT. Núi Sập; Công trình Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mặc Cần Dện lớn - TT. Phú Hòa,...); phối hợp theo dõi tiến độ thực hiện các công trình do tỉnh triển khai (Gồm: Dự án cầu Phú Vĩnh, Dự án Cao tốc Châu Đốc - Cần thơ - Sóc Trăng) và đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án ĐTXD tuyến đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn huyện Thoại Sơn).

Nhìn chung, hệ thống giao thông bộ của huyện Thoại Sơn được phân bố hợp lý và thuận tiện. Trong thời gian tới, nhằm đáp ứng cho nhu cầu về giao thông cũng như đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện cần phải tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng cũng như mở mới hệ thống giao thông trên địa bàn.

Về hệ thống giao thông thủy của huyện: Trên địa bàn huyện có các hệ thống kênh cấp I như: Kênh Rạch Giá - Long Xuyên, Kênh Núi Chóc - Năng Gù, Kênh Mướp Vắn,... và hệ thống kênh cấp II, III nội huyện tạo thành hệ thống giao thông thủy liên hoàn, góp phần thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa bằng đường thủy.

2.5.2. Thủy lợi, điện chiếu sáng và nước sạch

- Về thủy lợi: Hệ thống thủy lợi của huyện bao gồm hệ thống kênh, đê bao và các trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Toàn huyện có trên 900 km kênh mương với 5 tuyến kênh cấp I, 55 tuyến kênh cấp II và trên 355 tuyến kênh cấp III. Đây là những kênh mương chủ yếu cung cấp nước tưới, tiêu cho nội đồng, cho sinh hoạt và cho sản xuất. Hiện địa phương có 199 trạm bơm điện phục vụ khoảng 80% diện tích, 232 cống hở, 254 cống tròn tương đối hoàn chỉnh chủ động trong việc tưới tiêu và chống lũ hàng năm. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa. Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp có hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng hoàn chỉnh đạt trên 80%.

Hàng năm, hệ thống thủy lợi - thủy nông nội đồng luôn được quan tâm đầu tư cải tạo, nạo vét thường xuyên đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời để thoát nước lũ trong mùa mưa và cung cấp nước ngọt phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là vào mùa khô. Đặc biệt, huyện đã xây dựng được các tuyến kè chống sạt lở, các tuyến đê bao kết hợp với giao thông nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Phần lớn các tuyến kênh cấp I, cấp II và cấp III trên địa bàn huyện Thoại Sơn đang phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, vào mùa khô hàng năm, một số tuyến kênh mương nội đồng thường bị thiếu nước, cần quan tâm nạo vét theo định kỳ nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp của huyện.

- *Về cấp điện*: Đến nay huyện đã cơ bản hoàn chỉnh việc phủ điện lưới quốc gia 17/17 xã/thị trấn và tiếp tục nâng cấp các trạm biến áp, thay thế các đường dây trung, hạ thế; đảm bảo phục vụ ngày một tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân. Đến nay, tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt đạt 99,85%.

Mạng lưới trạm biến áp trên địa bàn huyện được quan tâm đầu tư, đặc biệt là các trạm biến áp phục vụ tưới tiêu và kiểm soát lũ.

- *Về cấp nước*: Thực hiện chương trình mục tiêu nước sạch, vệ sinh môi trường, huyện đã đầu tư xây dựng các trạm cấp nước và hệ thống đường ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu cho người dân trên địa bàn. Đến nay, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 97,85%.

2.5.3. Bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình

Hạ tầng bưu chính viễn thông trên địa bàn huyện Thoại Sơn phát triển tương đối hoàn thiện tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận thông tin bằng công nghệ hiện đại với chi phí thấp.

Đài truyền thanh huyện tiếp tục duy trì tốt các chuyên mục và đẩy mạnh hoạt động đưa tin, nhằm phản ánh kịp thời những hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện. Đồng thời, cổng thông tin điện tử huyện công bố bộ thủ tục hành chính, các quy hoạch sử dụng đất, điện thoại đường dây nóng các lĩnh vực, đăng tin, bài, ảnh góp phần thông tin kịp thời tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, linh hoạt. Duy trì đăng bài trên Cổng thông tin điện tử của huyện và tỷ lệ phủ sóng các chương trình phát thanh trên hệ thống truyền thanh huyện và các xã, thị trấn; triển khai tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn huyện.

2.5.4. Giáo dục và đào tạo

Trong những năm qua, công tác giáo dục luôn được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học. Các cấp học mỗi năm đều phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, trường lớp được xây dựng kiên cố hóa. Cơ sở vật chất và các trang thiết bị trường học được tăng cường đầu tư đảm bảo việc dạy và học, đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa, chất lượng dạy và học ngày một nâng lên.

Mạng lưới giáo dục của huyện bao gồm 4 Trường THPT, 16 Trường THCS, 30 điểm Trường Tiểu học và 17 điểm Trường Mẫu giáo, Mầm non.

Hoàn thành kế hoạch năm học 2023 - 2024 với nhiều kết quả rất tích cực: Xét tốt nghiệp THCS với tỷ lệ 99,96% học sinh được công nhận tốt nghiệp (2.708/2.709 học sinh) và hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ 100%

(2.880/2.880 học sinh); tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2024 huyện Thoại Sơn đứng thứ 2 toàn tỉnh với tỷ lệ 99,72% (1.799/1.804 học sinh).

Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 kịp thời, toàn diện, sát với thực tế của địa phương. Thực hiện hoàn thành công tác sáp nhập Trường Mẫu giáo Mỹ Phú Đông vào Trường Mẫu giáo Vọng Đông; tích cực đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất các trường đạt chuẩn quốc gia, toàn huyện có 55/66 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 83,3% (*đạt so với chỉ tiêu nghị quyết đề ra*). Hỗ trợ Hội đồng quản lý quỹ học bổng Nguyễn Văn Thoại tổ chức họp mặt tri ân quý Mạnh Thường quân đã đóng góp, xây dựng quỹ học bổng Nguyễn Văn Thoại và công bố nguồn quỹ đạt 05 tỷ đồng.

Ngoài ra, ngành giáo dục đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; các trường học đã triển khai cơ bản đầy đủ yêu cầu thực hiện chuyển đổi số; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong ký duyệt, soạn thảo giáo án; sử dụng hồ sơ điện tử.

2.5.5. Y tế, văn hoá và thể thao

- *Y tế*: Hiện trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm y tế huyện đa chức năng với quy mô 220 giường bệnh, 17 trạm y tế xã, thị trấn với 170 giường lưu tạm thời. Nhìn chung, những năm qua hệ thống y tế từ cấp huyện đến cấp cơ sở luôn được quan tâm củng cố đảm bảo cho nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân.

Triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bệnh sốt xuất huyết và tay chân miệng giảm mạnh so với cùng kỳ; các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân triển khai thực hiện đạt và vượt theo kế hoạch đề ra; số người dân tham gia BHYT trên địa bàn huyện 143.522/151.023 người (đã trừ số người rời bỏ địa phương), đạt tỷ lệ 95,03% (*vượt so với chỉ tiêu nghị quyết*).

- *Văn hóa - thể thao*: Tổ chức thành công Lễ hội văn hóa truyền thống huyện Thoại Sơn lần thứ XXIII năm 2024. Kiểm tra 180 cơ sở kinh doanh văn hóa và dịch vụ văn hóa trên địa bàn huyện, qua kiểm tra các cơ sở đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Hỗ trợ Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh (HTV), Tập đoàn Hoa Sen và Công ty truyền thông Beecomm ghi hình Chương trình “Mái ấm gia đình Việt” vào ngày 7, 8, 9 tháng 4 năm 2024 tại Khu Du lịch Hồ Ông Thoại. Duy trì hoạt động CLB cầu lông tại Nhà thiếu nhi, môn Pickleball tại Nhà thi đấu đa năng và các lớp võ Taekwondo tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thanh huyện; chuẩn bị lực lượng tham gia các giải thể thao cấp tỉnh và đạt thành tích khá cao tại các giải đấu.

2.6. Đánh giá chung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.6.1. Những kết quả đạt được

Năm 2024 là năm thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn đã quyết liệt, chủ động trong chỉ đạo, điều hành; bám sát Nghị quyết Huyện ủy, Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình công tác và đạt được mục tiêu tổng quát đề ra với nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Tập trung triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình cầu, đường, nhất là công tác giải phóng mặt bằng các dự án, trong đó có dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (đoạn đi qua địa bàn huyện Thoại Sơn); tập trung thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo và khó khăn; hoạt động văn hóa được nhân dân và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đồng tình hưởng ứng trên tinh thần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh; công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được các ngành chức năng và địa phương thực hiện nghiêm túc, an toàn, hiệu quả. Đặc biệt, thực hiện đạt và vượt 20/20 chỉ tiêu theo Nghị quyết Huyện ủy và 18/18 chỉ tiêu theo Nghị quyết HĐND huyện; nổi bật là chỉ tiêu thu nhập bình quân người dân khu vực nông thôn đạt 79 triệu đồng/người/năm và giá trị sản xuất/ha đất nông nghiệp đạt 225 triệu đồng.

Kinh tế phát triển, các mục tiêu tăng trưởng được đảm bảo. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần khu vực nông nghiệp và tăng khu vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng.

2.6.2. Những hạn chế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, thương mại - dịch vụ - du lịch tuy phát triển nhưng chất lượng còn hạn chế; sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chưa thực sự hấp dẫn, chưa có sức cạnh tranh cao.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa mạnh, quy mô còn nhỏ, trình độ tay nghề kỹ thuật còn nhiều hạn chế, chưa có nhiều sản phẩm đặc thù tạo giá trị cao, các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu dân sinh.

Hiệu quả liên kết sản xuất nông nghiệp - tiêu thụ chưa đa dạng hóa mô hình sản xuất, chưa chặt chẽ, thiếu tính bền vững.

Phát triển kết cấu hạ tầng sản xuất chưa gắn kết với tổ chức lại sản xuất, cụ thể việc xây dựng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, tiêu biểu là hợp tác xã còn nhiều khó khăn; việc nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả còn chậm.

Công tác bảo vệ môi trường còn gặp nhiều khó khăn, nhất là giải pháp kỹ thuật; mặt khác nhận thức của cộng đồng chưa thật sự nâng cao trách nhiệm giữ gìn môi trường chung.

PHẦN II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

Theo số liệu Thống kê đất đai năm 2023 thì diện tích đất đã phân bổ cho các đối tượng sử dụng và quản lý trong tổng quỹ đất của huyện hiện nay như sau:

** Đối tượng sử dụng đất theo kết quả thống kê năm 2023:*

- Hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng: 41.777,30 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 40.432,32 ha.
 - + Đất phi nông nghiệp: 1.344,97 ha.
 - Tổ chức kinh tế sử dụng: 272,60 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 146,32 ha.
 - + Đất phi nông nghiệp: 126,27 ha.
 - Cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng: 469,66 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 270,64 ha.
 - + Đất phi nông nghiệp: 186,33 ha.
 - + Đất chưa sử dụng: 12,69 ha.
 - Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: 279,54 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 173,97 ha.
 - + Đất phi nông nghiệp: 84,10 ha.
 - + Đất chưa sử dụng: 21,47 ha.
 - Tổ chức khác sử dụng: 2,58 ha đất phi nông nghiệp.
 - Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo sử dụng: 44,82 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 1,57 ha.
 - + Đất phi nông nghiệp: 43,25 ha.
- * Đối tượng quản lý đất theo kết quả thống kê năm 2023:*
- UBND cấp xã quản lý: 2.963,41 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 45,34 ha.
 - + Đất phi nông nghiệp: 2.916,09 ha.
 - + Đất chưa sử dụng: 1,97 ha.
 - Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý: 2,65 ha, trong đó:
 - + Đất nông nghiệp: 0,22 ha.
 - + Đất phi nông nghiệp: 2,43 ha.

- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác quản lý: 1.291,23 ha đất phi nông nghiệp.

+ Đất nông nghiệp: 66,47 ha.

+ Đất phi nông nghiệp: 1.224,76 ha.

Công tác thu hồi, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhìn chung được thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất sang làm nhà ở, lên liếp lập vườn,... không theo quy hoạch.

Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã cơ bản đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân, đảm bảo tiến độ xây dựng các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện.

Thực hiện phương án xử lý các dạng hồ sơ, giấy chứng nhận còn tồn đọng trên địa bàn 13/17 xã, thị trấn (*Mỹ Phú Đông, Núi Sập, Vĩnh Trạch, Óc Eo đã hoàn thành công tác cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp*). Đã đăng ký 13.209/14.925 hồ sơ, đạt 88,5%; đã niêm yết công khai hồ sơ đủ điều kiện xét duyệt cho 13 xã, thị trấn (*Gồm: Định Thành 1.096 hồ sơ, Tây Phú 117 hồ sơ, An Bình 96 hồ sơ, Vọng Đông 302 hồ sơ, Vọng Thê 431 hồ sơ, Phú Thuận 171 hồ sơ, Vĩnh Chánh 590 hồ sơ, Vĩnh Khánh 208 hồ sơ, Vĩnh Phú 517 hồ sơ, Phú Hòa 94 hồ sơ, Định Mỹ 515 hồ sơ, Thoại Giang 887 hồ sơ, Bình Thành 95 hồ sơ. Hiện đã hoàn thiện 707 hồ sơ để chuẩn bị in giấy chứng nhận (Vĩnh Chánh 590 hồ sơ, Tây Phú 117 hồ sơ), đã chuyển 56 hồ sơ của xã Vĩnh Phú cho Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn để kiểm tra, đã xác minh lại 226 hồ sơ (Vọng Đông 97 hồ sơ, Định Mỹ 129 hồ sơ)*).

1.2. Công tác thống kê đất đai

Hàng năm, huyện và cấp xã đều thực hiện tốt công tác thống kê đất đai ở cấp mình. Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Vừa qua huyện và 14 xã, 03 thị trấn đã hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2023. Qua thống kê đất đai đã đánh giá được hiện trạng sử dụng đất đai của huyện làm cơ sở cho việc quản lý nhà nước về đất đai và giúp cho huyện có hướng chỉ đạo sát tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Nhìn chung, công tác thống kê đất đai được tiến hành kịp thời, đầy đủ đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện.

Hiện nay tình hình sử dụng và quản lý đất công trên địa bàn huyện Thoại Sơn từng bước đi vào nề nếp. Các khu đất hiện nay đã đưa vào kiểm kê và được đo đạc cắm mốc ranh. Qua việc rà soát đất tổ chức theo Chỉ thị số 31/2007/CT-

TTg ngày 14/12/2007 và Chỉ thị số 21/2014/CT-TTg ngày 01/8/2014 đã mang lại hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, không còn tình trạng tranh chấp lấn chiếm đất công diễn ra trên địa bàn huyện.

1.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thời gian qua, UBND huyện Thoại Sơn đã hoàn thành xong công tác lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Thoại Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND và lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 2193/QĐ-UBND. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Thoại Sơn được công bố công khai theo đúng quy định; thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và báo cáo định kỳ kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Hoàn thành rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Thoại Sơn theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định - Sở Tài nguyên và Môi trường (lần 2).

Song song đó, thực hiện Công văn số 3188/STNMT-ĐĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện. UBND huyện Thoại Sơn ban hành Thông báo số 423/TB-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc đăng ký thực hiện dự án có sử dụng đất trong năm 2025 trên địa bàn huyện Thoại Sơn theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

Công tác quản lý đất đai theo các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Thoại Sơn ngày càng đi vào nề nếp, góp phần tích cực vào việc khai thác, sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác công khai, công bố quy hoạch được triển khai thực hiện trong suốt kỳ quy hoạch nhằm bảo đảm tính dân chủ, minh bạch và bảo đảm quyền lợi của cá nhân, tổ chức sử dụng đất góp phần nâng cao tính khả thi trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.4. Đánh giá chung kết quả thực hiện và tồn tại, hạn chế

Công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện đã đi vào nề nếp và đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo nội dung và thời gian theo chỉ đạo của cấp trên. Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế: Chất lượng cũng như kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn thấp; công tác quản lý đất công vẫn còn một số trường hợp bị lấn chiếm; các dự án, quy hoạch chậm triển khai gây khó khăn trong việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	40.844,32	86,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.365,48	81,45
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	38.365,48	81,45
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	132,20	0,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.539,84	3,27
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	0,28
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	0,11
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	512,64	1,09
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,75	0,23
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,55	0,01
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	6.223,33	13,21
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.081,43	2,30
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	243,87	0,52
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,74	0,04
2.4	Đất quốc phòng	CQP	262,60	0,56
2.5	Đất an ninh	CAN	174,15	0,37
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,89	0,16
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	0,01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	0,01
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,66	0,02
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,87	0,12
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,04	0,01
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,20	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	137,76	0,29
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	0,06
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,18	0,04
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,48	0,19
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.122,10	6,63
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.576,45	3,35
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.513,50	3,21
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	0,03
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,63	0,01
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,39	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,20	0,01
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	7,99	0,02
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,80	0,05
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	0,01
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,50	0,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.059,94	2,25
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	0,04
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.039,91	2,21

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	36,14	0,08
	<i>Trong đó:</i>			
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	36,14	0,08
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

2.1. Phân tích hiện trạng sử dụng các loại đất

Năm 2024, diện tích tự nhiên của toàn huyện có 47.103,78 ha, chiếm 13,30% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 40.844,32 ha, chiếm 86,71% diện tích tự nhiên.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 6.223,33 ha, chiếm 13,21% diện tích tự nhiên.
- Nhóm đất chưa sử dụng: 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích tự nhiên.

2.2. Đất nông nghiệp

Tổng diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện là: 40.844,32 ha, chiếm 86,71% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- Đất trồng lúa có diện tích 38.365,48 ha, chiếm 93,93% diện tích đất nông nghiệp (toàn phần là đất chuyên trồng lúa).
- Đất trồng cây hằng năm khác có diện tích 132,20 ha, chiếm 0,32% diện tích đất nông nghiệp.
- Đất trồng cây lâu năm có diện tích 1.539,84 ha, chiếm 3,77% diện tích đất nông nghiệp.
- Đất rừng đặc dụng có diện tích 130,98 ha, chiếm 0,32% diện tích đất nông nghiệp.
- Đất rừng phòng hộ có diện tích 51,89 ha, chiếm 0,13% diện tích đất nông nghiệp.
- Đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 512,64 ha, chiếm 1,26% diện tích đất nông nghiệp.
- Đất chăn nuôi tập trung có diện tích 108,75 ha, chiếm 0,27% diện tích đất nông nghiệp.
- Đất nông nghiệp khác có diện tích 2,55 ha, chiếm 0,01% diện tích đất nông nghiệp.

2.3. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp của toàn huyện là 6.223,33 ha, chiếm 13,21% tổng diện tích tự nhiên, trong đó chia thành các loại đất chính sau:

- Đất ở tại nông thôn có diện tích 1.081,43 ha, chiếm 17,38% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị có diện tích 243,87 ha, chiếm 3,92% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích 18,74 ha, chiếm 0,30% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất quốc phòng có diện tích 262,60 ha, chiếm 4,22% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất an ninh có diện tích 174,15 ha, chiếm 2,80% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp có diện tích 73,89 ha, chiếm 1,19% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- + *Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 2,55 ha.*

- + *Đất xây dựng cơ sở xã hội: 2,58 ha.*

- + *Đất xây dựng cơ sở y tế: 7,66 ha.*

- + *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 55,87 ha.*

- + *Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 5,04 ha.*

- + *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: 0,20 ha.*

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có diện tích 137,76 ha, chiếm 2,21% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- + *Đất cụm công nghiệp: 29,20 ha.*

- + *Đất thương mại, dịch vụ: 19,18 ha.*

- + *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 88,48 ha.*

- + *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 0,90 ha.*

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng có diện tích 3.122,10 ha, chiếm 50,17% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- + *Đất công trình giao thông: 1.576,45 ha.*

- + *Đất công trình thủy lợi: 1.513,50 ha.*

- + *Đất có di tích lịch sử - văn hoá danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 14,16 ha.*

- + *Đất công trình xử lý chất thải: 2,63 ha.*

- + *Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,78 ha.*

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 0,39 ha.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 6,20 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 7,99 ha.

- Đất tôn giáo có diện tích 25,80 ha, chiếm 0,41% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất tín ngưỡng có diện tích 4,57 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt có diện tích 16,50 ha, chiếm 0,27% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích 1.059,94 ha, chiếm 17,03% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 20,03 ha.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1.039,91 ha.

- Đất phi nông nghiệp khác có diện tích 1,97 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp.

2.4. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của toàn huyện là 36,14 ha, chiếm 0,08% tổng diện tích tự nhiên (toàn phần là núi đá không có rừng cây).

PHẦN III

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Ngay sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Bảng 2: So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện Thoại Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	41.237,87	41.034,78	40.844,32	-393,55	193,79
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.756,53	38.559,58	38.365,48	-391,06	198,56
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	38.756,53	38.559,58	38.365,48	-391,06	198,56
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	132,37	132,37	132,20	-0,17	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.541,52	1.533,76	1.539,84	-1,68	21,65
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	130,98	130,98	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	51,89	51,89	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	513,28	513,28	512,64	-0,64	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,75	108,75	108,75	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,54	4,18	2,55	0,01	0,49
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.829,78	6.032,86	6.223,33	393,55	193,79
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.087,79	1.121,17	1.081,43	-6,36	-19,06
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	244,74	251,08	243,87	-0,87	-13,67
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ	TSC	18,77	18,77	18,74	-0,03	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	quan						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	134,62	134,62	262,60	127,98	-
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	15,43	174,15	158,72	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,60	77,60	73,89	0,29	7,25
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	2,55	2,55	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	2,58	2,58	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,36	7,66	7,66	0,30	100,00
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,88	59,58	55,87	-0,01	-0,27
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,04	5,04	5,04	-	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,20	0,20	0,20	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	137,41	164,42	137,76	0,35	1,30
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	11,88	29,20	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,81	41,31	19,18	0,37	1,64
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,50	110,33	88,48	-0,02	-0,09
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,90	0,90	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.007,43	3.138,83	3.122,10	114,67	87,27
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.458,34	1.591,10	1.576,45	118,11	88,96
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.517,18	1.515,10	1.513,50	-3,68	176,98
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	14,16	14,16	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,58	2,58	2,63	0,05	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	1,50	0,78	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,39	0,39	0,39	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,20	6,20	6,20	-	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	7,79	7,79	7,99	0,19	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,80	25,80	25,80	-	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	4,77	4,57	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,51	17,26	16,50	-0,01	-1,11
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.061,13	1.061,13	1.059,94	-1,19	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	20,03	20,03	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	1.041,11	1.039,91	-1,19	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	1,97	1,97	-	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	36,14	36,14	36,14	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	<i>Trong đó:</i>						
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	36,14	36,14	36,14	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-

Dựa vào kết quả Thống kê đất đai năm 2023 và kết quả điều tra danh mục công trình đã thực hiện trong năm 2024 của huyện so với các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt cho thấy:

1.1. Đất nông nghiệp

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 41.034,78 ha, kết quả thực hiện được 40.844,32 ha, đạt 99,54%, giảm 190,47 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng lúa: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 38.559,58 ha, kết quả thực hiện được 38.365,48 ha, đạt 99,50%, giảm 194,11 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do thống kê lại hiện trạng sang đất quốc phòng, đất an ninh. Thực tế, đất trồng lúa tăng là do chưa thực hiện được các dự án sau: Xây dựng và nhân rộng mô hình "Cánh đồng lớn" tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 (hạng mục cống Tám Khiết) (0,20 ha; Vọng Đông, Thoại Giang); Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu (hạng mục cống số 2) (0,71 ha; Vọng Đông); Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (128,90 ha; Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh); Nhà máy xay xát và chế biến gạo An Giang (1,32 ha; Thoại Giang); Tuyến đường Kênh E (3,33 ha; Núi Sập); Di tích Đá nổi (0,20 ha; Phú Thuận); Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang (2,30 ha; Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành); Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang (0,75 ha; Thoại Giang); Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mạc Cần Dền lớn (0,10 ha; Phú Hòa); Trường THCS thị trấn Núi Sập (1,53 ha; Núi Sập); Trường THCS thị trấn Phú Hòa (1,63 ha; Phú Hòa); Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông (0,10 ha; Phú

Hòa); Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An (0,10 ha; Phú Hòa); Chợ và khu dân cư Bình Thành (4,99 ha; Bình Thành); Trang trại chăn nuôi heo thịt huyện Thoại Sơn (1,63 ha; Vọng Thê); Đất dự kiến mở rộng KDC Tây Bình (2,14 ha; Vĩnh Trạch) và Đất công Ấp Trung Phú 6 (0,20 ha; Vĩnh Phú).

- Đất trồng cây hằng năm khác: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 132,37 ha, kết quả thực hiện được 132,20 ha, đạt 99,87%, giảm 0,17 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất trồng cây lâu năm: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 1.533,76 ha, kết quả thực hiện được 1.539,84 ha, vượt 0,40%, tăng 6,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện được các dự án sau: Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (128,90 ha; Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh); Tuyến đường Kênh E (3,33 ha; Núi Sập); Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang (2,30 ha; Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành); Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mạc Cần Dền lớn (0,10 ha; Phú Hòa); Đất UBND xã Vĩnh Chánh (cũ) (0,35 ha; Vĩnh Chánh); Đất Trường Tiểu học C2 (điểm phụ) (0,01 ha; Vĩnh Khánh) và Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á (1,00 ha; Phú Hòa).

- Đất rừng đặc dụng: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 130,98 ha, kết quả thực hiện được 130,98 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng phòng hộ: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 51,89 ha, kết quả thực hiện được 51,89 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 còn 513,28 ha, kết quả thực hiện được 512,64 ha, đạt 99,88%, giảm 0,64 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do có sự thay đổi trong thống kê đất đai giữa 2 kỳ 2022, 2023.

- Đất chăn nuôi tập trung: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 108,75 ha, kết quả thực hiện được 108,75 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 4,18 ha, kết quả thực hiện được 2,55 ha, đạt 60,96%, giảm 1,63 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do có sự thay đổi trong thống kê đất đai giữa 2 kỳ 2022, 2023.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 6.032,86 ha, kết quả thực hiện được 6.223,33 ha, vượt 3,16%, tăng 190,47 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 1.121,17 ha, kết quả thực hiện được 1.081,43 ha, đạt 96,46%, giảm 39,74 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do chưa khai thác được các khu đất sau: Đất UBND xã Vĩnh Chánh (cũ) (0,35 ha; Vĩnh Chánh); Đất Trường Tiểu học C2 (điểm phụ) (0,01 ha; Vĩnh Khánh); Đất dự kiến mở rộng KDC Tây Bình (2,14 ha; Vĩnh Trạch); Khu Cụm công nghiệp Tân Thành, xã Vọng Thê (KDC Ốc Eo 1, 2, 3) (16,82 ha; Vọng Thê); Đất công Áp Trung Phú 6 (0,20 ha; Vĩnh Phú) và Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất ở tại đô thị: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 251,08 ha, kết quả thực hiện được 243,87 ha, đạt 97,13%, giảm 7,21 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do chưa khai thác được các khu đất sau: Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á (1,00 ha; Phú Hòa) và Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 18,77 ha, kết quả thực hiện được 18,74 ha, đạt 99,84%, giảm 0,03 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do có sự thay đổi trong thống kê đất đai giữa 2 kỳ 2022, 2023.

- Đất quốc phòng: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 134,62 ha, kết quả thực hiện được 262,60 ha, vượt 95,07%, tăng 127,98 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do thống kê lại hiện trạng đất quốc phòng (các loại đất như đất trồng lúa,... không phải là trụ sở thống kê vào đất quốc phòng).

- Đất an ninh: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 15,43 ha, kết quả thực hiện được 174,15 ha, vượt 1.028,36%, tăng 158,72 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do thống kê lại hiện trạng đất an ninh (các loại đất như đất trồng lúa,... không phải là trụ sở thống kê vào đất an ninh).

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 77,60 ha, kết quả thực hiện được 73,89 ha, đạt 95,22%, giảm 3,71 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện được các dự án sau: Trường THCS thị trấn Núi Sập (1,53 ha; Núi Sập); Trường THCS thị trấn Phú Hòa (1,63 ha; Phú Hòa); Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông (0,10 ha; Phú Hòa) và Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy

học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An (0,10 ha; Phú Hòa).

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 164,42 ha, kết quả thực hiện được 137,76 ha, đạt 83,79%, giảm 26,66 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện được các dự án sau: Nhà máy xay xát và chế biến gạo An Giang (1,32 ha; Thoại Giang); Khu Cụm công nghiệp Tân Thành, xã Vọng Thê (KDC Ốc Eo 1, 2, 3) (17,32 ha; Vọng Thê) và Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á (1,00 ha; Phú Hòa).

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 3.138,83 ha, kết quả thực hiện được 3.122,10 ha, đạt 99,47%, giảm 16,73 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện được các dự án sau: Xây dựng và nhân rộng mô hình "Cánh đồng lớn" tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 (hạng mục cống Tám Khiết) (0,20 ha; Vọng Đông, Thoại Giang); Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu (hạng mục cống số 2) (0,71 ha; Vọng Đông); Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (128,90 ha; Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh); Tuyến đường Kênh E (3,33 ha; Núi Sập); Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang (2,30 ha; Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành) và Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mặc Cần Dền lớn (0,10 ha; Phú Hòa).

- Đất tôn giáo: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 25,80 ha, kết quả thực hiện được 25,80 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất tín ngưỡng: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 4,77 ha, kết quả thực hiện được 4,57 ha, đạt 95,81%, giảm 0,20 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do có sự thay đổi trong thông kê đất đai giữa 2 kỳ 2022, 2023.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 17,26 ha, kết quả thực hiện được 16,50 ha, đạt 95,61%, giảm 0,76 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do chưa thực hiện được các dự án sau: Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang (0,75 ha; Thoại Giang).

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 1.061,13 ha, kết quả thực hiện được 1.059,94 ha, đạt 99,89%, giảm 1,19 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do có sự thay đổi trong thông kê đất đai giữa 2 kỳ 2022, 2023.

- Đất phi nông nghiệp khác: Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 1,97 ha, kết quả thực hiện được 1,97 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

1.3. Đất chưa sử dụng

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2024 là 36,14 ha, kết quả thực hiện được 36,14 ha, đạt 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

1.4. Đánh giá chung

Nhìn chung, việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất còn thấp so với kế hoạch được duyệt (đất thương mại, dịch vụ, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị). Nguyên nhân đạt kết quả thấp là do:

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn dàn trải, thiếu tập trung. Do tâm lý sợ thiếu dự án, có dự án không cần thu hồi đất nhưng vẫn đăng ký vào kế hoạch.
- Nhiều dự án đăng ký nhưng chưa được phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm.
- Các dự án của doanh nghiệp đăng ký chậm triển khai thực hiện.
- Các khu đất công đăng ký khai thác trong năm nhiều, nhưng chậm đưa ra đấu giá khai thác do chưa đảm bảo các thủ tục theo quy định.
- Điều kiện kết cấu hạ tầng còn hạn chế, cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn đầu tư cho các công trình công cộng, phúc lợi xã hội còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

II. DANH MỤC DỰ ÁN NĂM 2024

2.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024

Tổng số dự án được duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 20 dự án, kết quả thực hiện được 1/20 dự án, đạt 5%. Cụ thể, địa phương đã thực hiện được công trình sau: Trạm Y tế xã Tây Phú (0,30 ha; Tây Phú).

Các dự án chưa thực hiện được (19 dự án) gồm:

- Xây dựng và nhân rộng mô hình "Cánh đồng lớn" tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 (hạng mục cống Tám Khiết) (0,20 ha; Vọng Đông, Thoại Giang) do không có vốn thực hiện, địa phương hủy bỏ không đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 09/12/2024.
- Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu (hạng mục cống số 2) (0,71 ha; Vọng Đông) do không có vốn thực hiện, địa phương hủy bỏ không đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 09/12/2024.

- Chợ và khu dân cư Bình Thành (4,99 ha; Bình Thành) do không có vốn thực hiện, địa phương hủy bỏ không đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 13/11/2024.

- Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (128,90 ha; Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh) do còn một số hộ dân chưa thống nhất giá bồi thường, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Nhà máy xay xát và chế biến gạo An Giang (1,32 ha; Thoại Giang) do đang làm thủ tục chuyển mục đích, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G (Đoạn từ ĐT.943 đến ĐH.78) (0,58 ha; Định Thành) do đang lập bản đồ trích đo, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đầu tư xây dựng Trường THPT Vọng Thê (1,05 ha; Óc Eo) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3) (0,36 ha; Vĩnh Phú) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Tuyến đường Kênh E (3,33 ha; Núi Sập) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Di tích Đá nổi (0,20 ha; Phú Thuận) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang (2,30 ha; Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất phần diện tích còn lại, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang (0,75 ha; Thoại Giang) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mặc Cần Dện lớn (0,10 ha; Phú Hòa) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Trường THCS thị trấn Núi Sập (0,53 ha; Núi Sập) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Trường THCS thị trấn Phú Hòa (0,63 ha; Phú Hòa) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng

mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông (0,10 ha; Phú Hòa) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An (0,10 ha; Phú Hòa) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn) (2,05 ha; Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê) do đang thực hiện thủ tục thu hồi đất, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Trang trại chăn nuôi heo thịt huyện Thoại Sơn (1,63 ha; Vọng Thê) do đang làm thủ tục chuyển mục đích, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

2.2. Đánh giá chung

Nhìn chung, kết quả thực hiện danh mục dự án năm 2024 đạt thấp, thực hiện được 1/28 dự án, đạt 5%.

2.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc triển khai thực hiện danh mục dự án năm 2024 của huyện còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch, cụ thể như sau:

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn dàn trải, thiếu tập trung. Do tâm lý sợ thiếu dự án, có dự án không cần thu hồi đất nhưng vẫn đăng ký vào kế hoạch.

- Các dự án chưa triển khai đa số có căn cứ pháp lý chưa đảm bảo theo quy định và có nhiều dự án đăng ký nhưng chưa được phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm.

- Các dự án của doanh nghiệp đăng ký chậm triển khai thực hiện.

- Do điều kiện kết cấu hạ tầng còn hạn chế, cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn đầu tư cho các công trình công cộng, phúc lợi xã hội còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

Việc triển khai thực hiện danh mục dự án năm 2024 của huyện còn những tồn tại, hạn chế là do các nguyên nhân sau:

- Do tâm lý sợ đăng ký thiếu dự án nên tổng hợp và đăng ký dự án dàn trải, không tập trung. Cụ thể dự án đã đầu tư xây dựng xong nhưng địa phương vẫn đăng ký, dự án không cần thu hồi đất của dân nhưng vẫn đăng ký thu hồi đất; dự án chưa đảm bảo trình tự phê duyệt đầu tư theo quy định vẫn đăng ký,...

- Vẫn có nhiều dự án do doanh nghiệp đầu tư, tự phê duyệt vốn, vốn TW nhưng đăng ký thiếu, phát sinh mới trong giai đoạn đăng ký nên dẫn đến tổng hợp thiếu.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình, dự án theo kế hoạch còn hạn chế. Đây được xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất thấp.

- Chính sách đất đai và cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

Để khắc phục nguyên nhân của tồn tại, hạn chế cần các giải pháp sau:

- Nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về đất đai của các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện và cấp xã). Đồng thời, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các tổ chức nhận thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch sử dụng đất cũng như điều kiện để được đăng ký nhu cầu sử dụng đất (có căn cứ pháp lý theo quy định, có nguồn vốn phân bổ trong năm và tính khả thi của dự án đăng ký).

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng cơ chế để các ngành hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương. Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư. Cần chú trọng tìm kiếm và mời gọi nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

III. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC

3.1. Kết quả khai thác

Tổng số các khu đất đăng ký khai thác được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 26 khu đất, kết quả chưa khai thác được khu đất nào. Các khu đất chưa khai thác được gồm:

- Đất cư xá Giáo viên (0,08 ha; Ốc Eo) chưa thực hiện do giữ lại làm Công viên, địa phương đề xuất huỷ bỏ không thực hiện năm 2025.

- Đất UBND xã Vĩnh Chánh (cũ) (0,35 ha; Vĩnh Chánh) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất Trường Tiểu học C2 (điểm phụ) (0,01 ha; Vĩnh Khánh) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất dự kiến mở rộng KDC Tây Bình (2,14 ha; Vĩnh Trạch) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu Cụm công nghiệp Tân Thành, xã Vọng Thê (KDC Ốc Eo 1, 2, 3) (17,32 ha; Vọng Thê) chưa khai thác do đang kêu gọi đầu tư, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu tập thể 722 (đường Nguyễn Văn Trỗi) (0,04 ha; Núi Sập) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu tập thể 722 (đường Nguyễn Văn Trỗi) (0,06 ha; Núi Sập) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu tập thể 722 (đường Nguyễn Văn Trỗi) (0,04 ha; Núi Sập) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất công Ấp Trung Phú 6 (0,20 ha; Vĩnh Phú) chưa khai thác do đang lập bản đồ địa chính bổ sung, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất dôi dư đường Nguyễn Văn Trỗi (0,01 ha; Núi Sập) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Nông trường Công an (66,99 ha; Bình Thành) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á (1,00 ha; Phú Hòa) chưa khai thác do đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường xin cơ chế để đưa ra khai thác (do Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á đã xây tường rào), địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu nhà ở tái định cư Trường Tiền (0,96 ha; Định Mỹ) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu du lịch số 1 và Trung tâm Văn hóa huyện (9,06 ha; Núi Sập) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu đất giáp ranh phía Bắc điện lực (0,01 ha; Núi Sập) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu đất công 1 (0,15 ha; An Bình) chưa khai thác do đang kêu gọi đầu tư, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất ở KDC Tân Đông (0,99 ha; Mỹ Phú Đông) chưa khai thác do đang lập bản đồ địa chính bổ sung, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất hai bên dốc chợ cũ (đường Nguyễn Thị Rẫy) (0,06 ha; Óc Eo) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đường số 5 (0,01 ha; Óc Eo) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Dốc chợ (cánh gà) (0,01 ha; Óc Eo) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu đất Đường Võ Thị Sáu (0,01 ha; Núi Sập) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất dôi dư ông Nguyễn Văn Mỹ đang sử dụng (0,02 ha; Phú Hòa) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Khu đất công Phú Hòa (0,04 ha; Phú Hòa) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Lộ 15 Sơn Hòa (1,33 ha; Vọng Đông) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất nương lộ 943 (6,41 ha; Vĩnh Trạch) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

- Đất nương lộ 943 (5,91 ha; Định Thành) chưa khai thác do đang hoàn chỉnh phương án sắp xếp khai thác đất công trên địa bàn huyện, địa phương đề xuất chuyển tiếp thực hiện năm 2025.

3.2. Đánh giá chung

Nhìn chung, kết quả khai thác các khu đất năm 2024 chưa đạt.

3.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

Việc khai thác các khu đất năm 2024 của huyện còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chưa đạt, cụ thể như sau:

- Việc đăng ký danh mục khai thác khu đất còn dàn trải, thiếu tập trung.
- Một số khu đất đăng ký còn để xảy ra tình trạng lấn chiếm, tranh chấp,... nên chưa đủ điều kiện khai thác theo quy định.

- Kế hoạch khai thác, cơ chế chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư.

Việc khai thác các khu đất năm 2024 của huyện còn những tồn tại, hạn chế là do các nguyên nhân sau:

- Do tâm lý sợ đăng ký thiếu danh mục khu đất khai thác nên tổng hợp và đăng ký dự án dàn trải, không tập trung.

- Chưa lập đầy đủ các thủ tục đưa ra khai thác.

Để khắc phục nguyên nhân của tồn tại, hạn chế cần các giải pháp sau:

- Các khu đất đưa ra khai thác phải lập đầy đủ các thủ tục theo quy định (phải nằm trong danh mục đất công đã được UBND tỉnh giao cho huyện quản lý, lập kế hoạch khai thác và là đất sạch, không có tranh chấp, đã được đo đạc, lập bản đồ địa chính).

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

4.1. Những mặt đạt được

4.1.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

Trong năm qua, UBND huyện đã huy động nhiều nguồn lực bằng nhiều hình thức để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, nhất là đầu tư hệ thống giao thông, giáo dục, thương mại, dịch vụ trong điều kiện các nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương còn hạn chế. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất theo hướng tăng tỷ trọng diện tích đất dành cho phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch và xây dựng kết cấu hạ tầng, khai thác và phát huy tốt nguồn lực từ đất đai, do đó kinh tế - xã hội của huyện đã đạt được thành tựu quan trọng:

- **Hiệu quả kinh tế:** Thời gian qua, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng khu vực thương mại - dịch vụ - du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và giảm dần tỷ trọng khu vực kinh tế nông nghiệp nên hiệu quả kinh tế mang lại tương đối cao.

Quy mô nền kinh tế trên địa bàn huyện ngày càng phát triển nhanh. Quỹ đất phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng được mở rộng và đáp ứng tốt cho quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hoá của địa phương, với tốc độ phát triển kinh tế ngày càng cao, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, thu nhập ngày càng tăng và bền vững hơn luôn được nâng cao về vật chất

lẫn tinh thần. Thu nhập GDP bình quân đầu người luôn giữ mức ổn định, năm sau luôn cao hơn năm trước.

Trong nông nghiệp, đã cơ bản hoàn thành hệ thống đê bao kiểm soát lũ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo đúng hướng, mạnh dạn ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản xuất trên cùng một đơn vị diện tích.

Đất phi nông nghiệp của huyện tuy tăng chậm nhưng cũng tương đối đáp ứng đủ các nhu cầu của xã hội. Cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông, thủy lợi từng bước được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, nạo vét và mở mới qua các năm. Việc khai thác quỹ đất phục vụ cho mục đích xây dựng, thương mại - dịch vụ luôn đạt được những kết quả khả quan.

- **Hiệu quả xã hội:** Trong năm qua, địa phương đã chủ động kêu gọi đầu tư tạo quỹ đất phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng xã hội. Việc phát triển cơ sở hạ tầng đã đáp ứng được phần nào về nhu cầu xã hội, số lượng cơ sở và chất lượng phục vụ luôn được nâng cao. Đảm bảo nhu cầu đất ở cho hộ gia đình, cá nhân, ưu tiên giải quyết chỗ ở ổn định cho những hộ dân nằm trong vùng lũ, những hộ xây cất nhà trên kênh, rạch, những hộ bị thu hồi đất. Mặt khác, diện tích đất dành cho xây dựng các công trình phúc lợi công cộng như giao thông, thủy lợi, giáo dục,... ngày càng tăng góp phần tích cực trong việc nâng cao đời sống đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ của người dân.

- **Hiệu quả về môi trường:** Cùng với sự đầu tư quỹ đất để phát triển kinh tế - xã hội thì vấn đề môi trường trong thời gian qua cũng được địa phương chú trọng quan tâm đầu tư. Hiện tại trong sản xuất nông nghiệp đã xuất hiện tình trạng thoái hóa, ô nhiễm đất và ô nhiễm nguồn nước mặt. Đây là những vấn đề mà bất kỳ phương án phát triển sản xuất nào cũng gặp phải, do vậy tỉnh đã kịp thời cho tiến hành quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh và đưa ra các giải pháp khắc phục.

Đồng thời, tăng cường áp dụng các mô hình sản xuất sinh thái bền vững trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, khuyến khích người dân sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh nhằm cải tạo độ phì của đất. Đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cần áp dụng các mô hình xử lý nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có giấy phép môi trường, đặc biệt các cơ sở chế biến thủy sản phải có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn về môi trường theo quy định hiện hành.

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên đã góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu ô nhiễm đất, khói bụi do các hoạt động sản xuất của con người gây ra. Với việc quan tâm đầu tư, khắc phục dần những hạn chế thì trong tương lai vấn đề môi trường của địa phương sẽ được

giải quyết triệt để, việc phát triển kinh tế - xã hội sẽ được đảm bảo và bền vững hơn.

4.1.2. Tính hợp lý của cơ cấu sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất của huyện trong năm qua và trong tương lai đang có chiều hướng giảm dần diện tích đất nông nghiệp để đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang các ngành phi nông nghiệp nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng. Qua đó cho thấy, nguồn tài nguyên đất của huyện được khai thác sử dụng một cách hợp lý và triệt để, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp chiếm 86,71% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong nội bộ đất nông nghiệp thì đất trồng lúa chiếm tỷ lệ cao nhất với 93,93% diện tích đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm chiếm 3,77%, đất nuôi trồng thủy sản chiếm 1,26%, còn lại là đất trồng cây hàng năm khác, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất chăn nuôi tập trung và đất nông nghiệp khác. Đặc điểm khí hậu, thủy văn, điều kiện thổ nhưỡng của địa phương tương đối thuận lợi cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi góp phần tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn huyện.

- Đất phi nông nghiệp chiếm 13,21% diện tích đất tự nhiên. Trong nội bộ đất phi nông nghiệp thì đất sử dụng vào mục đích công cộng chiếm tỷ lệ cao nhất với 50,17% diện tích đất phi nông nghiệp (gồm các loại đất phục vụ cho mục đích công cộng như đất công trình giao thông, đất công trình thủy lợi, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên, đất công trình xử lý chất thải, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng,...), đất ở chiếm 21,30%, đất có mặt nước chuyên dùng chiếm 17,03%, còn lại là các loại đất khác. Qua đó cho thấy, cơ sở hạ tầng được địa phương chú trọng quan tâm đầu tư đúng mức đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

4.2. Những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch, cụ thể như sau:

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn dàn trải, thiếu tập trung. Do tâm lý sợ thiếu dự án, có dự án không cần thu hồi đất, dân hiến đất nhưng vẫn đăng ký vào kế hoạch.

- Các dự án chưa triển khai đa số có căn cứ pháp lý chưa đảm bảo theo quy định và có nhiều dự án đăng ký nhưng chưa được phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm.

- Một số khu đất đăng ký chưa được đo đạc, còn tình trạng lấn chiếm, tranh chấp,... nên chưa đủ điều kiện khai thác theo quy định, dẫn đến kết quả đạt thấp.

- Các dự án của doanh nghiệp đăng ký chậm triển khai thực hiện.

- Do điều kiện kết cấu hạ tầng còn hạn chế, cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư, nguồn vốn đầu tư cho các công trình công cộng, phúc lợi xã hội còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

4.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện còn những tồn tại, hạn chế là do các nguyên nhân sau:

- Do tâm lý sợ đăng ký thiếu dự án nên tổng hợp và đăng ký dự án dàn trải, không tập trung. Cụ thể dự án đã đầu tư xây dựng xong nhưng địa phương vẫn đăng ký, dự án không cần thu hồi đất của dân, dân hiến đất nhưng vẫn đăng ký; dự án chưa đảm bảo trình tự phê duyệt đầu tư theo quy định vẫn đăng ký,...

- Đối với các khu đất do chưa lập đầy đủ các thủ tục đưa ra khai thác dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch thấp.

- Vẫn có nhiều dự án do doanh nghiệp đầu tư, tự phê duyệt vốn, vốn TW nhưng đăng ký thiếu, phát sinh mới trong giai đoạn đăng ký nên dẫn đến tổng hợp thiếu.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình, dự án theo kế hoạch còn hạn chế. Đây được xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất thấp.

- Chính sách đất đai và cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

4.4. Giải pháp và kiến nghị

Để kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được khả thi cần các giải pháp sau:

- Nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về đất đai của các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện và cấp xã). Đồng thời, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các tổ chức nhận thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch sử dụng đất cũng như điều kiện để được đăng ký nhu cầu sử dụng đất (có căn cứ pháp lý theo quy định, có nguồn vốn phân bổ trong năm và tính khả thi của dự án đăng ký).

- Các khu đất đưa ra khai thác phải lập đầy đủ các thủ tục theo quy định (phải nằm trong danh mục đất công đã được UBND tỉnh giao cho huyện quản lý, lập kế hoạch khai thác và là đất sạch, không có tranh chấp, đã được đo đạc, lập

bản đồ địa chính).

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng cơ chế để các ngành hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương. Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư. Cần chú trọng tìm kiếm và mời gọi nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

Một số kiến nghị để Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 mang tính khả thi và đạt kết quả cao:

- Cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các tổ chức hiệu và nhận thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch sử dụng đất cũng như điều kiện để được đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

- Cần tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thường xuyên quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất cũng như xây dựng cơ chế hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương.

PHẦN IV
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Bảng 3: Diện tích các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt và kế hoạch năm 2025

DVT: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích quy hoạch được duyệt	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	40.844,32	40.015,17	40.464,95	449,78
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.365,48	36.253,76	38.212,54	1.958,78
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	38.365,48	36.253,76	38.212,54	1.958,78
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	132,20	128,82	69,52	-59,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.539,84	2.745,95	1.376,14	-1.369,81
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	130,98	130,98	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	51,89	51,89	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	512,64	578,49	512,59	-65,90
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	108,75	108,75	108,75	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,55	16,54	2,55	-13,99
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	6.223,33	7.052,47	6.602,70	-449,77
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.081,43	1.257,87	1.234,31	-23,56
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	243,87	307,39	275,08	-32,31
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,74	23,49	18,74	-4,75
2.4	Đất quốc phòng	CQP	262,60	27,11	262,60	235,49
2.5	Đất an ninh	CAN	174,15	15,43	174,15	158,72
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,89	102,21	78,62	-23,59
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	6,35	2,55	-3,80
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,58	5,78	2,58	-3,20
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,66	9,90	7,66	-2,24
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo	DGD	55,87	68,21	60,60	-7,61

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích quy hoạch được duyệt	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh tăng (+), giảm (-)
	dục và đào tạo					
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,04	11,87	5,04	-6,83
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,20	0,10	0,20	0,10
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	137,76	509,92	169,32	-340,60
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	162,36	11,88	-150,48
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,18	108,04	43,16	-64,88
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,48	238,62	112,82	-125,80
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,90	0,90	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3.122,10	3.689,57	3.282,78	-406,79
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.576,45	2.056,60	1.736,41	-320,19
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.513,50	1.523,95	1.511,42	-12,53
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	14,16	84,16	14,16	-70,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,63	2,93	2,63	-0,30
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,78	0,78	1,50	0,72
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,39	0,39	0,39	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	6,20	11,99	6,20	-5,79

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Diện tích quy hoạch được duyệt	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh tăng (+), giảm (-)
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	7,99	8,77	7,99	-0,78
2.9	Đất tôn giáo	TON	25,80	33,20	25,80	-7,40
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,57	5,27	4,77	-0,50
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	16,50	17,90	17,25	-0,65
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.059,94	1.061,14	1.059,94	-1,20
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	20,03	20,03	20,03	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.039,91	1.041,11	1.039,91	-1,20
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	1,97	1,97	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	36,14	36,14	36,14	-
	<i>Trong đó:</i>					
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	36,14	36,14	36,14	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-

1.1. Đất nông nghiệp

Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 40.015,17 ha, kết quả thực hiện được 40.844,32 ha, cao hơn 829,15 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 40.464,95 ha, cao hơn 449,78 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất trồng lúa: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 36.253,76 ha, kết quả thực hiện được 38.365,48 ha, cao hơn 2.111,72 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 38.212,54 ha, cao hơn 1.958,78 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 chưa đưa vào thực hiện các dự án quy hoạch được duyệt sử dụng đất trồng lúa.

- Đất trồng cây hằng năm khác: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 128,82 ha, kết quả thực hiện được 132,20 ha, cao hơn 3,38 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 69,52 ha, thấp hơn 59,30 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do Kế

hoạch sử dụng đất năm 2025 địa phương bố trí quỹ đất nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trồng cây hằng năm khác.

- Đất trồng cây lâu năm: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 2.745,95 ha, kết quả thực hiện được 1.539,84 ha, thấp hơn 1.206,11 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 1.376,14 ha, thấp hơn 1.369,81 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 các dự án chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm chưa thực hiện.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 còn 578,49 ha, kết quả thực hiện được 512,64 ha, thấp hơn 65,85 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 512,59 ha, thấp hơn 65,90 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất chăn nuôi tập trung: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 108,75 ha, kết quả thực hiện được 108,75 ha, không đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 108,75 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 16,54 ha, kết quả thực hiện được 2,55 ha, thấp hơn 13,99 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 2,55 ha, thấp hơn 13,99 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 7.052,47 ha, kết quả thực hiện được 6.223,33 ha, thấp hơn 829,14 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 6.602,70 ha, thấp hơn 449,78 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 1257,87 ha, kết quả thực hiện được 1.081,43 ha, thấp hơn 176,44 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 1.234,31 ha, thấp hơn 23,56 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 307,39 ha, kết quả thực hiện được 243,87 ha, thấp hơn 63,52 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 275,08 ha, thấp hơn 32,31 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 23,49 ha, kết quả thực hiện được 18,74 ha, thấp hơn 4,75 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 18,74 ha, thấp hơn 4,75 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất quốc phòng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 27,11 ha, kết quả thực hiện được 262,60 ha, cao hơn 235,49 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 262,60 ha, cao hơn 235,49 ha là do địa phương đã cập nhật diện tích của khu đất tỉnh đội (xã Bình Thành).

- Đất an ninh: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 15,43 ha, kết quả thực hiện được 174,15 ha, cao hơn 158,72 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 174,15 ha, cao hơn 158,72 ha là do địa phương đã cập nhật diện tích của khu đất Trại giam Định Thành (xã Định Thành) và Khu đất Công an tỉnh đang quản lý (xã An Bình).

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 102,21 ha, kết quả thực hiện được 73,89 ha, thấp hơn 28,32 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 78,62 ha, thấp hơn 23,59 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 0,10 ha, kết quả thực hiện được 0,20 ha, cao hơn 0,10 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 0,20 ha, cao hơn 0,10 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do có sự thay đổi trong thống kê đất đai giữa 2 kỳ 2020, 2023.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 509,92 ha, kết quả thực hiện được 137,76 ha, thấp hơn 372,16 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 169,32 ha, thấp hơn 340,60 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 3.689,57 ha, kết quả thực hiện được 3.122,10 ha, thấp hơn 567,47 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 3.282,78 ha, thấp hơn 406,79 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất tôn giáo: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 33,20 ha, kết quả thực hiện được 25,80 ha, thấp hơn 7,40 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 25,80 ha, thấp hơn 7,40 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất tín ngưỡng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 5,27 ha, kết quả thực hiện được 4,57 ha, thấp hơn 0,70 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 4,77 ha, thấp hơn 0,50 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; cơ sở lưu giữ tro cốt: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 17,90 ha, kết quả thực hiện được 16,50 ha, thấp hơn 1,40 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 17,25 ha, thấp hơn 0,65 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 1.061,14 ha, kết quả thực hiện được 1.059,94 ha, thấp hơn 1,20 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 1.059,94 ha, thấp hơn 1,20 ha là phù hợp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

1.3. Đất chưa sử dụng

Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 là 36,14 ha, kết quả thực hiện được 36,14 ha, không đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Chỉ tiêu địa phương xác định năm 2025 là 36,14 ha, không đổi so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm 2025 đến từng đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện chi tiết trong ***Biểu số 17/CH***.

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện năm 2025. Căn cứ vào Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thoại Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn được tổng hợp và cân đối, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp: Diện tích là 40.464,95 ha, chiếm 85,91% diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 6.602,70 ha, chiếm 14,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích là 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.

2.1.1. Đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa: Diện tích đến năm 2025 là 38.212,54 ha, giảm 152,94 ha so với năm 2024, diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất ở tại nông thôn, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất công trình giao thông, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công

cộng, đất tín ngưỡng và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt.

- Đất trồng cây hằng năm khác: Diện tích đến năm 2025 là 69,52 ha, giảm 62,68 ha so với năm 2024, diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất thương mại, dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đến năm 2025 là 1.376,14 ha, giảm 163,70 ha so với năm 2024, diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất công trình giao thông và đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích đến năm 2025 là 512,59 ha, giảm 0,05 ha so với năm 2024, diện tích giảm chủ yếu để phục vụ cho mục đích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn tăng thêm 159,52 ha, chủ yếu để khai thác khu đất Đất UBND xã Vĩnh Chánh (cũ) (Vĩnh Chánh), Đất Trường Tiểu học C2 (điểm phụ) (Vĩnh Khánh), Đất dự kiến mở rộng KDC Tây Bình (Vĩnh Trạnh), Khu Cụm công nghiệp Tân Thành, xã Vọng Thê (KDC Ốc Eo 1, 2, 3) (Vọng Thê), Đất công Áp Trung Phú 6 (Vĩnh Phú) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, trong kỳ đất ở tại nông thôn giảm 6,64 ha cho mục đích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất thương mại, dịch vụ, đất công trình giao thông và đất công trình năng lượng, chiếu sáng công. Như vậy, đến cuối kỳ kế hoạch, đất ở tại nông thôn thực tăng là 152,88 ha so với hiện trạng.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị tăng thêm 31,57 ha, chủ yếu để mở mới Khu dân cư nhà ở thương mại thị trấn Phú Hòa (Phú Hòa), khai thác Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á (Phú Hòa) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, trong kỳ đất ở tại đô thị giảm 0,36 ha cho mục đích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất công trình giao thông. Như vậy, đến cuối kỳ kế hoạch, đất ở tại đô thị thực tăng là 31,21 ha so với hiện trạng.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp (đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo): Năm 2025, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng thêm 4,73 ha, chủ yếu để mở rộng Đầu tư xây dựng Trường THPT Vọng Thê (Ốc Eo), Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3) (Vĩnh Phú), mở mới Trường THCS thị trấn Núi Sập (Núi Sập), Trường THCS thị trấn Phú Hòa (Phú Hòa), Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông

mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông (Phú Hòa), Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An (Phú Hòa), Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm chính) (Vĩnh Khánh), Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 1) (Vĩnh Khánh), Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 2) (Vĩnh Khánh), Trường Mẫu giáo Định Mỹ (Định Mỹ) và Trường Mẫu giáo An Bình điểm chính (Phú Hiệp)).

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tăng thêm 49,24 ha (đất thương mại, dịch vụ tăng thêm 23,98 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng thêm 25,26 ha), chủ yếu để mở mới Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 32 (Phú Hòa), Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 31 (Vĩnh Trạch), Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 13 (Núi Sập), Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Phát I (Tây Phú), Cửa hàng xăng dầu Trung Thắng (Định Thành), Nhà máy xay xát và chế biến gạo An Giang (Thoại Giang), Cơ sở sản xuất và gia công giấy Thanh Trúc (Núi Sập) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, trong kỳ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp giảm 17,68 ha cho mục đích đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị. Như vậy, đến cuối kỳ kế hoạch, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thực tăng là 31,43 ha so với hiện trạng.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng thêm 160,71 ha (đất công trình giao thông tăng thêm 159,99 ha và đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng tăng thêm 0,72 ha), chủ yếu để mở mới Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh), Đường tỉnh 947 (Vọng Thê, An Bình, Tây Phú), Tuyến đường Kênh E (Núi Sập), Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành), Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mạc Cần Dện lớn (Phú Hòa), Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn) (Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê) và Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G (Đoạn từ ĐT.943 đến ĐH.78) (Định Thành).

- Đất tín ngưỡng: Năm 2025, diện tích đất tín ngưỡng tăng thêm 0,20 ha, chủ yếu để mở mới Di tích Đá nổi (Phú Thuận).

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Năm 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu

giữ tro cốt tăng thêm 0,75 ha, chủ yếu để Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang (Thoại Giang).

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.074,79 ha; diện tích đất ở tại nông thôn tăng là 159,52 ha (khai thác khu đất Đất UBND xã Vĩnh Chánh (cũ) (Vĩnh Chánh), Đất Trường Tiểu học C2 (điểm phụ) (Vĩnh Khánh), Đất dự kiến mở rộng KDC Tây Bình (Vĩnh Trạnh), Khu Cụm công nghiệp Tân Thành xã Vọng Thê (KDC Ốc Eo 1, 2, 3) (Vọng Thê), Đất công Ấp Trung Phú 6 (Vĩnh Phú) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân) do chuyển từ các loại đất: Đất trồng lúa 2,34 ha, đất trồng cây hằng năm khác 33,60 ha, đất trồng cây lâu năm 106,76 ha và đất cụm công nghiệp 16,82 ha; diện tích đất ở tại nông thôn giảm là 6,64 ha do chuyển sang các loại đất: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,31 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,08 ha, đất công trình giao thông 6,13 ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,12 ha. Đến cuối năm kế hoạch, đất ở tại nông thôn đạt 1.234,31 ha, chiếm 18,69% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 243,51 ha; diện tích đất ở tại đô thị tăng là 31,57 ha (Khu dân cư nhà ở thương mại thị trấn Phú Hoà (Phú Hòa), khai thác Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á (Phú Hòa) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân) do chuyển từ các loại đất: Đất trồng cây hằng năm khác 11,00 ha, đất trồng cây lâu năm 19,71 ha và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,86 ha; diện tích đất ở tại đô thị giảm là 0,36 ha do chuyển sang các loại đất: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,14 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,14 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,05 ha và đất công trình giao thông 0,03 ha. Đến cuối năm kế hoạch, đất ở tại đô thị đạt 275,08 ha, chiếm 4,17% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp (đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo): Năm 2025, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 73,89 ha; diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng là 4,73 ha (Đầu tư xây dựng Trường THPT Vọng Thê (Ốc Eo), Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3) (Vĩnh Phú), mở mới Trường THCS thị trấn Núi Sập (Núi Sập), Trường THCS thị trấn Phú Hòa (Phú Hòa), Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông (Phú Hòa), Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ

thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An (Phú Hòa), Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm chính) (Vĩnh Khánh), Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 1) (Vĩnh Khánh), Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 2) (Vĩnh Khánh), Trường Mẫu giáo Định Mỹ (Định Mỹ) và Trường Mẫu giáo An Bình điểm chính (Phú Hiệp) (An Bình)) do chuyển từ các loại đất: Đất trồng lúa 4,03 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,08 ha, đất trồng cây lâu năm 0,16 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha, đất ở tại nông thôn 0,31 ha và đất ở tại đô thị 0,14 ha. Đến cuối năm kế hoạch, đất xây dựng công trình sự nghiệp đạt 78,62 ha, chiếm 1,19% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Năm 2025, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 120,08 ha; diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tăng là 49,24 ha (Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 32 (Phú Hòa), Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 31 (Vĩnh Trạch), Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 13 (Núi Sập), Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Phát I (Tây phú), Cửa hàng xăng dầu Trung Thắng (Định Thành), Nhà máy xay xát và chế biến gạo An Giang (Thoại Giang), Cơ sở sản xuất và gia công giấy Thanh Trúc (Núi Sập) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân) do chuyển từ các loại đất: Đất trồng lúa 0,69 ha, đất trồng cây hằng năm khác 18,00 ha, đất trồng cây lâu năm 29,65 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha, đất ở tại nông thôn 0,08 ha, đất ở tại đô thị 0,19 ha và đất công trình giao thông 0,03 ha; diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp giảm là 17,68 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 16,82 ha và đất ở tại đô thị 0,86 ha. Đến cuối năm kế hoạch, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp đạt 169,32 ha, chiếm 2,56% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 3.122,07 ha; diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng là 160,71 ha (Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh), Đường tỉnh 947 (Vọng Thê, An Bình, Tây Phú), Tuyến đường Kênh E (Núi Sập), Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành), Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mạc Cần Dền lớn (Phú Hòa), Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn) (Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê) và Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G (Đoạn từ ĐT.943 đến ĐH.78) (Định Thành)) do chuyển từ các loại đất: Đất trồng lúa 123,13 ha, đất trồng cây lâu năm 4,12 ha,

đất ở tại nông thôn 4,05 ha và đất ở tại đô thị 0,03 ha. Đến cuối năm kế hoạch, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp đạt 3.255,51 ha, chiếm 53,00% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất tín ngưỡng: Năm 2025, diện tích đất tín ngưỡng không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 4,57 ha; diện tích đất tín ngưỡng tăng là 0,20 ha (Di tích Đá nổi (Phú Thuận)) do chuyển từ đất trồng lúa. Đến cuối năm kế hoạch, đất tín ngưỡng đạt 4,77 ha, chiếm 0,07% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Năm 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 16,50 ha; diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt tăng là 0,75 ha (Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang (Thoại Giang)) do chuyển từ đất trồng lúa. Đến cuối năm kế hoạch, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt đạt 17,25 ha, chiếm 0,26% so với diện tích đất phi nông nghiệp.

III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 - 2025 của huyện; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của các xã, thị trấn thuộc huyện. Sau khi cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ và do huyện xác định, xác định bổ sung, phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Thoại Sơn như sau:

- Đất nông nghiệp: 40.464,95 ha, chiếm 85,91% diện tích đất tự nhiên của huyện.

- Đất phi nông nghiệp: 6.602,70 ha, chiếm 14,01% diện tích đất tự nhiên của huyện.

- Đất chưa sử dụng: 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên của huyện.

3.1. Đất nông nghiệp

Căn cứ chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp do tỉnh phân bổ; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của huyện Thoại Sơn;... Đến năm 2025, diện tích đất nông nghiệp là 40.464,95 ha, chiếm 85,91% diện tích đất tự nhiên, giảm 379,37 ha so với năm 2024, chủ yếu thay đổi chỉ tiêu đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản.

a) Đất trồng lúa

Đến năm 2025, diện tích đất trồng lúa của huyện còn lại 38.212,54 ha (toàn phần là đất chuyên trồng lúa), chiếm 94,43% diện tích đất nông nghiệp, giảm 152,94 ha so với năm 2024.

*** Đất trồng lúa được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất trồng lúa được bảo vệ ổn định, giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng là 38.212,54 ha (toàn phần là đất chuyên trồng lúa).

- *Diện tích giảm:* Để đáp ứng nhu cầu đất ở tại nông thôn, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất tín ngưỡng, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt,... đất trồng lúa giảm 152,94 ha (toàn phần là đất chuyên trồng lúa), cụ thể:

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,34 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 4,03 ha.
- + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,69 ha.
- + Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 144,93 ha.
- + Chuyển sang đất tín ngưỡng 0,20 ha.
- + Chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,75 ha.

b) Đất trồng cây hằng năm khác

Đến năm 2025, diện tích đất trồng cây hằng năm khác của huyện còn lại 69,52 ha, chiếm 0,17% diện tích đất nông nghiệp, giảm 62,68 ha so với năm 2024.

*** Đất trồng cây hằng năm khác được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất trồng cây hằng năm khác được giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng là 69,52 ha.

- *Diện tích giảm:* Để đáp ứng nhu cầu đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp,... đất trồng cây hằng năm khác giảm 62,68 ha, cụ thể:

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 33,60 ha.
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 11,00 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,08 ha.
- + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 18,00 ha.

c) Đất trồng cây lâu năm

Đến năm 2025, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện còn lại 1.376,14 ha, chiếm 3,40% diện tích đất nông nghiệp, giảm 163,70 ha so với năm 2024.

*** Đất trồng cây lâu năm được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất trồng cây lâu năm được giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng là 1.376,14 ha.

- *Diện tích giảm:* Để đáp ứng nhu cầu đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng, ... đất trồng cây lâu năm giảm 163,70 ha, cụ thể:

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 106,76 ha.
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 19,71 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,16 ha.
- + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 29,65 ha.
- + Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng 7,42 ha.

d) Đất nuôi trồng thủy sản

Với định hướng phát triển thủy sản theo hướng chất lượng, hiệu quả, phù hợp với các điều kiện tự nhiên về nguồn nước, khí hậu,... Đến năm 2025, đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 512,59 ha, chiếm 1,27% diện tích đất nông nghiệp, giảm 0,05 ha so với năm 2024.

**** Đất nuôi trồng thủy sản được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng là 512,59 ha.

- *Diện tích giảm:* Để đáp ứng nhu cầu đất xây dựng công trình sự nghiệp và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,05 ha.

3.2. Đất phi nông nghiệp

Đến năm 2025, đất phi nông nghiệp của huyện tăng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, thương mại, dịch vụ, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, phát triển đô thị, các khu dân cư,... Đến năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp là 6.602,70 ha, chiếm 14,01% diện tích đất tự nhiên, tăng 379,37 ha so với năm 2024, chủ yếu tăng chỉ tiêu đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất tín ngưỡng và đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; cơ sở lưu giữ tro cốt. Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 kỳ kế hoạch đất phi nông nghiệp như sau:

a) Đất ở tại nông thôn

Đến năm 2025, đất ở tại nông thôn của huyện là 1.234,31 ha, chiếm 18,69% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 152,88 ha so với năm 2024.

*** Đất ở tại nông thôn được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng là 1.074,79 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất ở tại nông thôn tăng 159,52 ha, lấy vào các loại đất: Đất trồng lúa 2,34 ha, đất trồng cây hằng năm khác 33,60 ha, đất trồng cây lâu năm 106,76 ha và đất cụm công nghiệp 16,82 ha để khai thác khu đất Đất UBND xã Vĩnh Chánh (cũ) (Vĩnh Chánh) (0,35 ha), Đất Trường Tiểu học C2 (điểm phụ) (Vĩnh Khánh) (0,01 ha), Đất dự kiến mở rộng KDC Tây Bình (Vĩnh Trạch) (2,14 ha), Khu Cụm công nghiệp Tân Thành, xã Vọng Thê (KDC Óc Eo 1, 2, 3) (Vọng Thê) (16,82 ha), Đất công Áp Trung Phú 6 (Vĩnh Phú) (16,82 ha) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân (14 xã) (170,00 ha).

- *Diện tích giảm:* Đất ở tại nông thôn giảm 6,64 ha do chuyển sang các loại đất: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,31 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,08 ha, đất công trình giao thông 6,13 ha và đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,12 ha.

b) Đất ở tại đô thị

Đến năm 2025, đất ở tại đô thị của huyện là 275,08 ha, chiếm 4,17% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 31,21 ha so với năm 2024.

*** Đất ở tại đô thị được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng là 243,51 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất ở tại đô thị tăng 31,57 ha, lấy vào các loại đất: Đất trồng cây hằng năm khác 11,00 ha, đất trồng cây lâu năm 19,71 ha và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,86 ha để mở mới Khu dân cư nhà ở thương mại thị trấn Phú Hòa (Phú Hòa) (0,91 ha), Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á (Phú Hòa) (1,00 ha) và đáp ứng Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân (3 thị trấn) (30,00 ha).

- *Diện tích giảm:* Đất ở tại đô thị giảm 0,36 ha do chuyển sang các loại đất: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,14 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,14 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,05 ha và đất công trình giao thông 0,03 ha.

c) Đất xây dựng công trình sự nghiệp (đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)

Đến năm 2025, đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện là 78,62 ha, chiếm 1,19% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 4,73 ha so với năm 2024.

*** Đất xây dựng công trình sự nghiệp được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- Không thay đổi mục đích sử dụng đất: Đất xây dựng công trình sự nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng là 73,89 ha.

- Diện tích tăng: Đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng 4,73 ha, lấy vào các loại đất: Đất trồng lúa 4,03 ha, đất trồng cây hằng năm khác 0,08 ha, đất trồng cây lâu năm 0,16 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha, đất ở tại nông thôn 0,31 ha và đất ở tại đô thị 0,14 ha để thực hiện các công trình, dự án như sau:

Bảng 4: Danh mục các công trình, dự án đất xây dựng công trình sự nghiệp quy hoạch đến năm 2025

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã/thị trấn)	Diện tích (ha)
1	Đầu tư xây dựng Trường THPT Vọng Thê	Óc Eo	1,05
2	Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3)	Vĩnh Phú	0,36
3	Trường THCS thị trấn Núi Sập	Núi Sập	1,53
4	Trường THCS thị trấn Phú Hòa	Phú Hòa	1,63
5	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông	Phú Hòa	0,10
6	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An	Phú Hòa	0,10
7	Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm chính)	Vĩnh Khánh	0,41
8	Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 1)	Vĩnh Khánh	0,27
9	Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 2)	Vĩnh Khánh	0,30
10	Trường Mẫu giáo Định Mỹ	Định Mỹ	0,54
11	Trường Mẫu giáo An Bình điểm chính (Phú Hiệp)	An Bình	0,41
	Tổng		6,70

d) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Đến năm 2025, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của huyện là 169,32 ha, chiếm 2,56% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 31,56 ha so với năm 2024.

*** Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:**

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng là 120,08 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tăng 49,24 ha, lấy vào các loại đất: Đất trồng lúa 0,69 ha, đất trồng cây hằng năm khác 18,00 ha, đất trồng cây lâu năm 29,65 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha, đất ở tại nông thôn 0,08 ha, đất ở tại đô thị 0,19 ha và đất công trình giao thông 0,03 ha để thực hiện các công trình, dự án như sau:

Bảng 5: Danh mục các công trình, dự án đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp quy hoạch đến năm 2025

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã/thị trấn)	Diện tích (ha)
1	Nhà máy xay xát và chế biến gạo An Giang	Thoại Giang	1,32
2	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 32	Phú Hòa	0,37
3	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 31	Vĩnh Trạch	0,77
4	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 13	Núi Sập	0,17
5	Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Phát I	Tây Phú	0,05
6	Cửa hàng xăng dầu Trung Thắng	Định Thành	0,13
7	Cơ sở sản xuất và gia công giấy Thanh Trúc	Núi Sập	2,57
8	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân	17 xã, thị trấn	22,00
9	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	17 xã, thị trấn	22,00
	Tổng		49,38

- *Diện tích giảm:* Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp giảm 17,68 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 16,82 ha và đất ở tại đô thị 0,86 ha.

e) Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Đến năm 2025, đất sử dụng vào mục đích công cộng của huyện là 3.282,78 ha, chiếm 49,72% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 160,68 ha so với năm 2024.

**** Đất sử dụng vào mục đích công cộng được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất:* Đất sử dụng vào mục đích công cộng không thay đổi mục đích sử dụng là 3.122,07 ha.

- *Diện tích tăng:* Đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng 160,71 ha, lấy vào các loại đất: Đất trồng lúa 144,93 ha, đất trồng cây lâu năm 7,42 ha, đất ở tại nông thôn 6,25 ha và đất ở tại đô thị 0,03 ha để thực hiện các công trình, dự án như sau:

Bảng 6: Danh mục các công trình, dự án đất sử dụng vào mục đích công cộng quy hoạch đến năm 2025

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã/thị trấn)	Diện tích (ha)
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh	128,90
2	Đường tỉnh 947	Vọng Thê, An Bình, Tây Phú	27,50
3	Tuyến đường Kênh E	Núi Sập	3,33
4	Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành	2,30
5	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn)	Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê	2,05
6	Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G (Đoạn từ ĐT.943 đến ĐH.78)	Định Thành	0,58
	Tổng		164,66

f) Đất tín ngưỡng

Đến năm 2025, đất tín ngưỡng của huyện là 4,77 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,20 ha so với năm 2024.

**** Đất tín ngưỡng được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất*: Đất tín ngưỡng không thay đổi mục đích sử dụng là 4,57 ha.

- *Diện tích tăng*: Đất tín ngưỡng tăng 0,20 ha, lấy vào đất trồng lúa để mở mới Di tích Đá nổi (Phú Thuận) (0,20 ha).

g) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt

Đến năm 2025, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt của huyện là 17,25 ha, chiếm 0,26% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,75 ha so với năm 2024.

**** Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt được phân bổ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:***

- *Không thay đổi mục đích sử dụng đất*: Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt không thay đổi mục đích sử dụng là 16,50 ha.

- *Diện tích tăng*: Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt tăng 0,75 ha, lấy vào đất trồng lúa để Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang (Thoại Giang) (0,75 ha).

IV. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn, cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 152,94 ha (toàn phần là đất chuyên trồng lúa).

- Đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 62,68 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 163,70 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,05 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 17,68 ha.

- Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ là 0,56 ha.

V. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI

Diện tích đất cần thu hồi năm 2025 trên địa bàn huyện Thoại Sơn là 165,41 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp là 158,93 ha và đất phi nông nghiệp là 6,48 ha.

VI. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

Bảng 7: Danh mục các công trình, dự án trong năm 2025 của kỳ kế hoạch sử dụng đất

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã/thị trấn)	Diện tích (ha)
1	Trường Mẫu giáo An Bình điểm chính (Phú Hiệp)	An Bình	0,41
2	Trường Mẫu giáo Định Mỹ	Định Mỹ	0,54
3	Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G (Đoạn từ ĐT.943 đến ĐH.78)	Định Thành	0,58
4	Cửa hàng xăng dầu Trung Thắng	Định Thành	0,13
5	Cơ sở làm việc Công an huyện Thoại Sơn thuộc Công an tỉnh An Giang	Núi Sập	2,60
6	Tuyến đường Kênh E	Núi Sập	3,33
7	Trường THCS thị trấn Núi Sập	Núi Sập	1,53
8	Cơ sở sản xuất và gia công giấy Thanh Trúc	Núi Sập	2,57
9	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 13	Núi Sập	0,17
10	Đầu tư xây dựng Trường THPT Vọng Thê	Óc Eo	1,05
11	Khu dân cư nhà ở thương mại thị trấn Phú Hoà	Phú Hoà	0,91
12	Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mặc Cần Dện lớn	Phú Hòa	0,10
13	Trường THCS thị trấn Phú Hòa	Phú Hòa	1,63
14	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông	Phú Hòa	0,10
15	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An	Phú Hòa	0,10

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã/thị trấn)	Diện tích (ha)
16	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 32	Phú Hòa	0,37
17	Di tích Đá nổi	Phú Thuận	0,20
18	Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Phát I	Tây Phú	0,05
19	Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành	2,30
20	Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang	Thoại Giang	0,75
21	Nhà máy xay xát và chế biến gạo An Giang	Thoại Giang	1,32
22	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn)	Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê	2,05
23	Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm chính)	Vĩnh Khánh	0,41
24	Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 1)	Vĩnh Khánh	0,27
25	Trường Tiểu học A Vĩnh Khánh (Điểm lẻ 2)	Vĩnh Khánh	0,30
26	Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3)	Vĩnh Phú	0,36
27	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh	128,90
28	Cửa hàng xăng dầu Petrolimex - Cửa hàng 31	Vĩnh Trạch	0,77
29	Đường tỉnh 947	Vọng Thê, An Bình, Tây Phú	27,50
	Tổng		180,84

VII. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC

Bảng 8: Danh mục các khu đất công đưa ra khai thác năm 2025 của kỳ kế hoạch sử dụng đất

STT	Tên khu đất	Địa điểm (xã/thị trấn)	Diện tích (m ²)	Mục đích khai thác	Hiện trạng ngoài thực địa	Tình trạng pháp lý	Sự phù hợp quy hoạch
1	Đất UBND xã Vĩnh Chánh (cũ)	Phú Hòa	3.542,60	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
2	Đất Trường Tiểu học C2 (điểm phụ)	Vĩnh Khánh	122,90	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
3	Đất dự kiến mở rộng KDC Tây Bình	Vĩnh Trạch	21.351,00	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
4	Khu dân cư và Thương mại Tân Thành	Vọng Thê	173.200,00	ONT, TMD	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
5	Khu tập thể 722 (đường Nguyễn Văn Trỗi)	Núi Sập	436,70	ODT	Nhà ở	Đất sạch	Phù hợp
6	Khu tập thể 722 (đường Nguyễn Văn Trỗi)	Núi Sập	645,00	ODT	Nhà ở	Đất sạch	Phù hợp
7	Khu tập thể 722 (đường Nguyễn Văn Trỗi)	Núi Sập	375,10	ODT	Nhà ở	Đất sạch	Phù hợp
8	Đất công Ấp Trung Phú 6	Vĩnh Phú	1.967,00	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
9	Đất dôi dư đường Nguyễn Văn Trỗi	Núi Sập	90,00	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
10	Nông trường Công an	Bình Thành	669.923,00	LUC	Đất trồng lúa	Đất sạch	Phù hợp
11	Khu đất Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Nam Á	Phú Hòa	9.994,00	SKN	Có tường rào trên đất	Đất sạch	Phù hợp
12	Khu nhà ở tái định cư Trường Tiền	Định Mỹ	9558	ONT, TMD	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
13	Khu du lịch số 1 và Trung tâm Văn hóa huyện	Núi Sập	90.598,50	TMD	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
14	Khu đất giáp ranh phía Bắc điện lực	Núi Sập	243,77	DNL	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
15	Khu đất công 1	An Bình	1.454,00	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
16	Đất ở KDC Tân Đông	Mỹ Phú Đông	9.853,00	ONT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
17	Đất hai bên dốc chợ cũ (đường Nguyễn Thị Rầy)	Óc Eo	593,10	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
18	Đường số 5	Óc Eo	82,40	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp
19	Dốc chợ (cánh gà)	Óc Eo	67,10	ODT	Đất trống	Đất sạch	Phù hợp

STT	Tên khu đất	Địa điểm (xã/thị trấn)	Diện tích (m ²)	Mục đích khai thác	Hiện trạng ngoài thực địa	Tình trạng pháp lý	Sự phù hợp quy hoạch
20	Lộ 15 Sơn Hòa	Vọng Đông	13.319,90	ONT	Đất trồng	Đất sạch	Phù hợp
21	Đất nương lộ 943	Vĩnh Trạch	64.122,40	ONT	Đất trồng	Đất sạch	Phù hợp
22	Đất nương lộ 943	Định Thành	59.140,00	ONT	Đất trồng	Đất sạch	Phù hợp
Tổng	25 khu đất		1.130.679,47				

VIII. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2025

8.1. Cơ sở pháp lý để tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2025 huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang trên cơ sở như sau:

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Công văn số 2615/VPUBND-KTTH ngày 25 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về giá thuê đất trong khu công nghiệp;
- Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang;
- Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định và Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang;
- Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh An Giang bổ sung Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang;

- Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định và Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 và Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang;

- Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh An Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024;

- Phương án lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn.

8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán thu, chi liên quan đến đất đai dựa trên bảng giá đất của tỉnh An Giang giai đoạn 2020 - 2024 (giá các loại đất mang tính bình quân) và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch.

Bảng 9: Thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2025

Hạng mục	Số lượng (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
I. Các khoản thu			1.468,91
1/ Thu từ đất ở			1.335,96
- Giao đất ở tại nông thôn	159,52	600.000	957,12
- Giao đất ở tại đô thị	31,57	1.200.000	378,84
2/ Thu từ cho thuê đất			132,95
- Cho thuê làm Khu, cụm công nghiệp	-	486.000	-
- Cho thuê làm thương mại, dịch vụ	23,98	270.000	64,75
- Cho thuê làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	25,26	270.000	68,20
II. Các khoản chi (Thu hồi đất)			199,59
- Đất ở tại nông thôn	6,31	600.000	37,86
- Đất ở tại đô thị	0,17	1.200.000	2,04
- Đất trồng lúa	151,38	100.000	151,38
- Đất trồng cây hằng năm khác	-	100.000	-
- Đất trồng cây lâu năm	7,55	110.000	8,31
- Đất nuôi trồng thủy sản	-	100.000	-
- Đất rừng	-	100.000	-
III. Cân đối thu chi (III=I-II)			1.269,32

Trên đây là dự kiến thu, chi từ đất dựa trên khung giá hiện tại và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm kế hoạch sử dụng đất. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

PHẦN V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, hạn chế sử dụng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh, áp dụng các biện pháp sinh học vào sản xuất, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý. Đối với các tiểu vùng có đề bao kiểm soát triệt để cần định kỳ xả lũ nhằm cải tạo và tăng độ phì cho đất.

- Có chính sách khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất.

- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán dọc theo các tuyến đường giao thông, kênh, mương, khu đô thị, khu dân cư nông thôn nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như nông thôn; hạn chế và chấm dứt tình trạng dân sống rải rác tự phát không theo quy hoạch.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý môi trường trong cụm công nghiệp, khu đô thị; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị theo sự phân cấp và ủy quyền của bộ máy quản lý môi trường; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Sớm xây dựng và ban hành quy chế, nội quy về bảo vệ môi trường; nghiên cứu xây dựng quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngoài việc bảo đảm hệ thống xử lý nước thải công nghiệp ngay trong quá trình đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp cần phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng quy hoạch xử lý chất thải rắn qua hệ thống thu gom và xử lý tập trung đạt quy chuẩn.

- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn; xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường với Ban quản lý. Thông qua hệ thống quan trắc môi trường có thể đánh giá kịp thời, chính xác và kiểm soát được tình trạng chất lượng môi trường cũng như mức độ ô nhiễm môi trường trong các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Xây dựng cơ chế để hình thành doanh nghiệp dịch vụ môi trường phục vụ cho các hoạt động của các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Kiên quyết di dời toàn bộ nhà máy, xí nghiệp sản xuất gây ô nhiễm ra xa khu dân cư.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

1.2. Giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu

- Thực hiện các công trình, dự án kế hoạch đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương, đảm bảo kêu gọi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp,... đảm bảo các tiêu chí khung về bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ.

- Đối với các vùng đất chuyên trồng lúa có quy mô lớn, tiến hành khoanh định vùng bảo vệ nghiêm ngặt, chỉ chuyển những vùng có năng suất thấp, kém hiệu quả và để thực hiện các công trình trọng điểm, các tuyến giao thông huyết mạch.

- Không quy hoạch, bố trí các dự án, dân cư ở những nơi có nguy cơ cảnh báo sạt lở trên địa bàn huyện (căn bản ổn định hiện trạng sử dụng đất tại các khu vực này) và tiến tới xây dựng phương án bố trí di dời về nơi an toàn.

- Đảm bảo phân bổ đủ quỹ đất để thực hiện các công trình đất sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, phát triển du lịch, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, các dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư công hàng năm và trung hạn 5 năm (2021 - 2025).

- Cân đối, bố trí đầy đủ quỹ đất để thực hiện các công trình, dự án theo các chủ trương, chính sách lớn của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, huyện đảm bảo quốc phòng, an ninh và các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp, du lịch và các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...

- Tích cực chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất cho phù hợp đặc thù của huyện là vẫn giữ được lợi thế về sản xuất lương thực, đồng thời phải đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả ngay trong mùa nước nổi.

- Bố trí quy hoạch thành các tiểu vùng gắn với yêu cầu đầu tư thủy lợi để sản xuất 03 vụ, 02 vụ, các vùng chuyên canh, vùng sản xuất nông sản hàng hoá, vừa đảm bảo tiêu thụ nội địa vừa đảm bảo yêu cầu xuất khẩu. Nâng dần giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp sao cho cao hơn mức bình quân toàn vùng đồng thời với nâng cao hệ số sử dụng đất.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phù hợp với quy hoạch thủy lợi vùng, gắn chặt với phát triển dân cư và giao thông nông thôn, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường trong sử dụng đất, đặc biệt đối với các vùng bao đê kiểm soát lũ triệt để.

- Thực hiện đúng quy hoạch bố trí các khu, cụm dân cư theo phương án kế hoạch sử dụng đất để giải quyết dứt điểm nhà ngập lũ, nhà tạm bợ, nhà vi phạm hành lang kênh, rạch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai về kế hoạch sử dụng đất đến các ngành, các cấp và nhân dân trong tỉnh.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về đất đai các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

- Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất, trước hết là công tác lập kế hoạch sử dụng đất phải đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để đảm bảo kế hoạch sử dụng đất mang tính khả thi cao, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và bảo vệ môi trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các xã, thị trấn trong việc phân bổ cụ thể quỹ đất về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

3.1. Giải pháp về công tác quản lý

- Tổ chức công bố công khai và rộng rãi toàn bộ phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tăng cường tính minh bạch trong trao đổi, sử dụng thông tin quy hoạch được duyệt, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan thực hiện nghiêm phương án kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý sử dụng đất. Lấy kế hoạch làm căn cứ để kế hoạch hóa việc sử dụng đất của các cấp, các ngành.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo tính khả thi của phương án; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt như cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án, đặc biệt là các dự án chậm triển khai.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn huyện; thực hiện tốt việc phân cấp, phân nhiệm, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, của các cá nhân, đặc biệt là của người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước.

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về đất đai của các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện và cấp xã). Đồng thời, tăng cường ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin trong việc quản lý và cập nhật chỉnh lý các biến động về kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để các tổ chức, người dân nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Khi phương án kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt cần thực hiện tốt công tác bồi hoàn và giải phóng mặt bằng. Đồng thời, thực hiện cắm mốc xác định ranh giới sử dụng đất, tránh tình trạng sử dụng đất chồng chéo, lấn chiếm quỹ đất.

- Xây dựng cơ chế để các ngành hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận đất đai nhanh chóng trong việc thực hiện các dự án tại địa phương. Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

- Thực hiện điều tiết giá trị gia tăng từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực.

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường đào tạo nghề để giúp người dân bị mất đất chuyển đổi nghề, phát triển ngành nghề được xem là thế mạnh của địa phương nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và giải quyết việc làm cho nguồn lao động tại địa phương.

3.3. Giải pháp về vốn đầu tư

- Về vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn từ ngân sách các cấp đầu tư, địa phương cần tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như: Giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng,... trên cơ sở phát huy truyền thống tích cực của quần chúng nhân dân.

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá.

- Huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư. Cần chú trọng tìm kiếm và mời gọi nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

- Khai thác hiệu quả các khu đất công để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất.

3.4. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Tăng cường trang thiết bị, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ trong việc quản lý, giám sát và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng khoa học công nghệ trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai.

- Tăng cường ứng dụng khoa học - kỹ thuật, đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại nhằm góp phần vào sự phát triển bền vững, lâu dài của địa phương.

- Tăng cường đầu tư, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất góp phần tích cực vào việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; cơ cấu sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện

Để công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất của địa phương đi vào nề nếp và có chiều sâu cần phải có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Theo đó, huyện cần phải:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được duyệt; rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất cho phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo thống nhất chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất của huyện.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Thoại Sơn được xây dựng dựa trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ; Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn và được lập dựa theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn đã gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn được xây dựng trên cơ sở dữ liệu và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp từ các phòng, ban cũng như trên địa bàn từng xã, thị trấn; các thông tin và nhu cầu sử dụng đất đã thu thập được điều tra đến từng công trình và được cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong cùng giai đoạn quy hoạch nên các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, có hiệu quả cao và bảo vệ môi trường sinh thái.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý của đất đai đối với công tác quản lý thống nhất của nhà nước về đất đai. Đây là căn cứ để tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất tối ưu cho chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá của huyện và của tỉnh. Đặc biệt, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng tốt cho nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND huyện Thoại Sơn kiến nghị:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt “Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thoại Sơn” làm cơ sở cho UBND huyện triển khai thực hiện kế hoạch được duyệt theo đúng quy định, nhằm sử dụng đất hiệu quả, đảm bảo tốt vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của kế hoạch, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
I. SỰ CẦN THIẾT	1
II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU	1
2.1. Mục đích	1
2.2. Yêu cầu	1
III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN.....	2
IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH	2
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	4
VI. BỐ CỤC BÁO CÁO	4
VII. SẢN PHẨM KẾ HOẠCH.....	5
PHẦN I ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.....	6
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6
1.1. Điều kiện tự nhiên	6
1.1.1. Vị trí địa lý	6
1.1.2. Địa hình, địa mạo	6
1.1.3. Khí hậu	6
1.1.4. Chế độ thủy văn.....	7
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	7
1.2.1. Tài nguyên đất	7
1.2.2. Tài nguyên nước.....	9
1.2.3. Tài nguyên khoáng sản.....	10
1.2.4. Tài nguyên nhân văn.....	10
1.3. Thực trạng môi trường.....	11
1.3.1. Thực trạng môi trường ở các đô thị và các khu dân cư tập trung.....	11
1.3.2. Thực trạng môi trường nông thôn	12
1.3.3. Thực trạng môi trường ở các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung	12
1.3.4. Thực trạng môi trường ở các khu vực đê bao kiểm soát lũ.....	12
1.3.5. Đánh giá chung về thực trạng môi trường	13
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	13
1.4.1. Thuận lợi	13
1.4.2. Khó khăn.....	14
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	14
2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	14

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	14
2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	14
2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế	15
2.2.1. Nông - lâm - thủy sản.....	15
2.2.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng.....	16
2.2.3. Thương mại, dịch vụ, du lịch	17
2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập.....	18
2.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn	18
2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội	19
2.6. Đánh giá chung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	24
PHẦN II TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	25
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	25
1.1. Công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	25
1.2. Công tác thống kê đất đai	26
1.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	27
1.4. Đánh giá chung kết quả thực hiện và tồn tại, hạn chế.....	27
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	28
2.1. Phân tích hiện trạng sử dụng các loại đất	30
2.2. Đất nông nghiệp.....	30
2.3. Đất phi nông nghiệp	31
2.4. Đất chưa sử dụng.....	32
PHẦN III KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 ...	33
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT	33
1.1. Đất nông nghiệp.....	36
1.2. Đất phi nông nghiệp	38
1.3. Đất chưa sử dụng.....	40
1.4. Đánh giá chung	40
II. DANH MỤC DỰ ÁN NĂM 2024.....	40
2.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024.....	40
2.2. Đánh giá chung	42
2.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp.....	42
III. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC	43
3.1. Kết quả khai thác	43

3.2. Đánh giá chung.....	45
3.3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp.....	45
IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	46
4.1. Những mặt đạt được.....	46
4.2. Những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	48
4.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	49
4.4. Giải pháp và kiến nghị	49
PHẦN IV KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	51
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT.....	51
1.1. Đất nông nghiệp	53
1.2. Đất phi nông nghiệp.....	54
1.3. Đất chưa sử dụng.....	56
II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC.....	56
2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất	56
2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.....	59
III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT.....	61
3.1. Đất nông nghiệp	61
3.2. Đất phi nông nghiệp.....	63
IV. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	68
V. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI	68
VI. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	69
VII. DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT CÔNG ĐƯA RA KHAI THÁC.....	71
VIII. DỰ KIẾN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2025.....	72
8.1. Cơ sở pháp lý để tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	72
8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	73
PHẦN V GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	74
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	74
1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	74
1.2. Giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.....	75
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT...76	
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	76
3.1. Giải pháp về công tác quản lý	76
3.2. Giải pháp về cơ chế chính sách.....	77

3.3. Giải pháp về vốn đầu tư.....	78
3.4. Giải pháp về khoa học - công nghệ	78
3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện	78
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	79
I. KẾT LUẬN	79
II. KIẾN NGHỊ	79